**BỘ ĐỀ ÔN THI CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. Ma trận đề kiểm tra môn Ngữ văn, lớp 11 – hết học kì II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm | **4** | **0** | **2** | **1** | **1** | **1** | **0** | **1** | **50** |
| Truyện ngắn/tiểu thuyết hiện đại |
| Bi kịch |
| Kí, tuỳ bút hoặc tản văn |
| Thơ |
| Văn bản thông tin |
| Văn nghị luận |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng. |
| Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận |
| Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội |
| **Tỉ lệ %** | | | ***20*** | ***5*** | ***25*** | ***10*** | ***10*** | ***20*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
|  | | |  | |  | |  | |  | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, lớp 11 – Hết học kì II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | Tổng % |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ.  - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ.  - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của tác phẩm / đoạn trích.  - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ.  - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ.  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. | 4 câu / 3 câu | 3 câu | 1 câu / 2 câu | 1 câu | 50 |
| 2. Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết.  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. |
| 3. Bi kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch.  - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch.  - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch.  **Vận dụng**:  - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 4. Kí, tuỳ bút, tản văn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 5. Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |
| 6. Văn bản thông tin | **Nhận biết:P**  - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản  **Thông hiểu:**  - Nêu nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề của tác giả.  - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.  - Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản  Vận dụng cao:  - Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết. |
| 7. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.  - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.  Vận dụng:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.  - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.  **Vận dụng cao:**  Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. |
| 8. Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết, đề tài của văn bản.  - Nhận biết được thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết được bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.  **Thông hiểu:**  - Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.  - Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.  - Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.  **Vận dụng:**  Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.  **Vận dụng cao:**  Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản ghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 50 |
| 2. Nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng).  - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, vai diễn trong bộ phim; các yếu tố hình khối, đường nét trong tác phẩm điêu khắc; …).  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 3. Viết văn bản thuyết minh | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh.  - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.  - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ nội dung thuyết minh; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan.  - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  - Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **Vận dụng**:  Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản.  **Vận dụng cao**:  Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | | **30%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC - HIỂU (5,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau :**

*Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường*

*Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:*

*“Ai bảo chăn trâu là khổ?”*

*Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao*

*Những ngày trốn học*

*Đuổi bướm cầu ao*

*Mẹ bắt được...*

*Chưa đánh roi nào đã khóc!*

*Có cô bé nhà bên*

*Nhìn tôi cười khúc khích...*

*Cách mạng bùng lên*

*Rồi kháng chiến trường kỳ*

*Quê tôi đầy bóng giặc*

*Từ biệt mẹ tôi đi*

*Cô bé nhà bên - (có ai ngờ!)*

*Cũng vào du kích*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*

*Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)*

*Giữa cuộc hành quân không nói được một lời*

*Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại...*

*Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi...*

*Hoà bình tôi trở về đây*

*Với mái trường xưa, bãi mía, luống cày*

*Lại gặp em*

*Thẹn thùng nép sau cánh cửa...*

*Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ*

*Chuyện chồng con (khó nói lắm anh ơi!)*

*Tôi nắm bàn tay nhỏ nhắn ngậm ngùi*

*Em vẫn để yên trong tay tôi nóng bỏng...*

*Hôm nay nhận được tin em*

*Không tin được dù đó là sự thật*

*Giặc bắn em rồi quăng mất xác*

*Chỉ vì em là du kích, em ơi!*

*Đau xé lòng anh, chết nửa con người!*

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm*

*Có những ngày trốn học bị đòn roi...*

*Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất*

*Có một phần xương thịt của em tôi.*

(Giang Nam, *Tháng Tám ngày mai,* NXB Văn học, 1962)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

A. Nhân vật *cô bé nhà bên*

B. Nhân vật anh

C. Tác giả

D. Cô du kích

**Câu 2**. Chỉ ra cách gieo vần trong đoạn thơ sau:

*Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường*

*Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:*

*“Ai bảo chăn trâu là khổ?”*

*Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao*

*Những ngày trốn học*

*Đuổi bướm cầu ao*

*Mẹ bắt được...*

*Chưa đánh roi nào đã khóc!*

*Có cô bé nhà bên*

*Nhìn tôi cười khúc khích...*

A. Gieo vần chân

B. Gieo vần lưng

C. Gieo vần tiếp

D. Gieo vần chéo

**Câu 3.** Xác định biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm*

*Có những ngày trốn học bị đòn roi...*

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Liệt kê

D. Đối lập

**Câu 4**. Nhân vật *tôi* từ biệt mẹ trong hoàn cảnh nào?

A. Khi quê hương đầy bóng giặc

B. Khi hòa bình lặp lại

C. Khi cùng *cô bé nhà bên* tham gia du kích

D. Khi *cô bé nhà bên* hi sinh

**Câu 5**. Anh/ chị hiểu như thế nào về những câu thơ sau:

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm*

*Có những ngày trốn học bị đòn roi...*

*Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất*

*Có một phần xương thịt của em tôi.*

A. Sự thay đổi trong nhận thức và tình cảm của nhân vật trữ tình.

B. Sự thay đổi trong quan niệm sống của nhân vật trữ tình.

C. Sự thay đổi hoàn cảnh sống của nhân vật trữ tình.

D. Sự thay đổi trong quan niệm về tình yêu của nhân vật trữ tình.

**Câu 6.** Từ *“khúc khích”* trong câu thơ “*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích”* được hiểu như thế nào?

A. Diễn tả cảm xúc vui tươi, hồn nhiên, mừng rỡ.

B. Thể hiện niềm vui chiến thắng.

C. Diễn tả cảm xúc bâng khuâng trong lần gặp lại.

D. Thể hiện sự ngượng ngùng, e thẹn.

**Câu 7.** Hình ảnh *cô bé nhà bên* trong bài thơ gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về tuổi trẻ thời kì đấu tranh chống giặc ngoại xâm?

A. Lặng thầm, nhút nhát.

B. Bồng bột, dại khờ;

C. Nhiều khát khao, mơ tưởng;

D. Tuổi trẻ hồn nhiên, dũng cảm.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8**. Nhận xét về tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen trong đoạn thơ sau:

*Cô bé nhà bên - (có ai ngờ!)*

*Cũng vào du kích*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*

*Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)*

**Câu 9.** Bài thơ gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước?

**Câu 10.** Trong bài thơ “Quê hương”, nhà thơ Đỗ Trung Quân viết:

*“Quê hương là chùm khế ngọt*

*Cho con trèo hái mỗi ngày*

*Quê hương là đường đi học*

*Con về rợp bướm vàng bay”*

Liên hệ với đoạn thơ sau để nhận xét về tình cảm đối với quê hương của hai tác giả:

*“Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường*

*Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:*

*“Ai bảo chăn trâu là khổ?”*

*Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao*

*Những ngày trốn học*

*Đuổi bướm cầu ao*

*Mẹ bắt được...*

*Chưa đánh roi nào đã khóc!”*

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về tính khiêm tốn của con người trong cuộc sống.

**---------------Hết---------------**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5.0** |
|  | **1** | B | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | C | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | A | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | Nhận xét về tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen trong đoạn thơ.  - Thành phần chêm xen: *có ai ngờ, thương thương quá đi thôi*  - Tác dụng:  + Nội dung: Bổ sung thông tin cần thiết (không ai ngờ được cô bé nhà bên cũng vào du kích); bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình về cô bé hàng xóm, đó là tình thương yêu, quý mến.  + Nghệ thuật: làm cho câu thơ hài hòa, chặt chẽ về cấu trúc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Thí sinh trả lời được ý 1: 0,25*  *- Thí sinh trả lời được ý 2 hoặc ½ của ý 2: 0,25 điểm*  *- Thí sinh trả lời sai/ không trả lời: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **9** | Bài thơ gợi những suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước:  - Bài thơ thể hiện những tình cảm trong sáng và tình yêu quê hương, đất nước của thế hệ trẻ trong thời kì đất nước có chiến tranh.  - Thế hệ trẻ cần có những hành động, việc làm cụ thể để thể hiện tình yêu quê hương đất nước: rèn đức, luyện tài, làm những việc tốt….  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Thí sinh trả lời được 1 trong hai ý: 0,25*  *- Thí sinh trả lời sai/ không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\*Lưu ý:*** *Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục.* | 0,5 |
| **10** | Nhận xét về tình cảm đối với quê hương của hai tác giả:  - Quê hương trong trái tim mỗi tác giả là những hình ảnh gần gũi, những con người thân thương; những kỉ niệm tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng.  - Nhận xét: Đó là những tình cảm đẹp, chân thành, sâu sắc; là hành trang đi theo mỗi người trong suốt cuộc đời.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Thí sinh trả lời được 1 trong hai ý: 0,25*  *- Thí sinh trả lời sai/ không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\*Lưu ý:*** *Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục.* | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Có đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu luận đề và khơi gợi chú ý của người đọc; thân bài triển khai được luận đề; kết bài khái quát được luận đề và gợi ra cho người đọc những suy nghĩ sâu rộng hơn vấn đề nghị luận | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Trình bày suy nghĩ về tính khiêm tốn của con người trong cuộc sống* | 0.5 |
|  | **c. Triển khai vấn đề cần nghị luận**  Vận dụng có hiệu quả các thao tác lập luận; có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:  \* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tính khiêm tốn của con người trong cuộc sống  \* Triển khai vấn đề nghị luận  - Giải thích: Khiêm tốn là gì? (là đánh giá đúng bản thân, không tự cao, tự đại cũng không hạ thấp mình)  - Phân tích: Biểu hiện của tính khiêm tốn:  + Người khiêm tốn là người đánh giá đúng bản thân;  + Người khiêm tốn là người biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến của người khác, biết ghi nhận giá trị của người khác.  - Lí giải, bình luận: Tại sao cần có tính khiêm tốn?  + Đánh giá đúng năng lực bản thân và năng lực của người khác, học hỏi được nhiều điều hay lẽ phải, cơ hội thành công sẽ cao hơn;  + Được mọi người yêu quý, tôn trọng, tin tưởng.  + Khiêm tốn là một đức tính tốt đẹp.  - Chứng minh: Học sinh lấy dẫn chứng thực tế về con người có tính khiêm tốn.  - Nêu phản đề.  - Bài học:  \* Kết thúc vấn đề nghị luận: Đánh giá khái quát về vấn đề. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**-----------------Hết --------------------**

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)**

***“Sứ giả” đưa cây bèo, cây cói Việt Nam ra thế giới***

*Đến thăm xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, nhiều người không khỏi ngạc nhiên khi được tận mắt chứng kiến sự sáng tạo của những người nghệ nhân, những người phụ nữ làng nghề nơi đây. Từ những vật liệu dân dã, mộc mạc của làng quê như cói, bèo tây (lục bình), mây, tre… qua bàn tay của các bà, các chị đã trở thành những món đồ dùng có tính ứng dụng cao, những sản phẩm thủ công mỹ nghệ được người tiêu dùng yêu thích. Không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước, những mặt hàng mỹ nghệ từ cây bèo, cây cói của vùng bãi ngang ven biển do người dân Kim Sơn làm ra đã chinh phục được nhiều thị trường khó tính như châu Âu, Nhật Bản… vì có tính thẩm mỹ và độ bề cao và thân thiện với môi trường. Nghề đan lát thủ công mỹ nghệ bèo tây đã gải quyết nhu cầu việc làm cho người dân, không chỉ tăng thêm thu nhập, giúp bà con Kim Sơn giảm nghèo bền vững mà đời sống ngày càng khấm khá hơn. Dù nghề truyền thống đang thu hút chủ yếu là lao động nữ cao tuổi tại đại phương, nhưng những người nghệ nhân như bà Vũ Thị Mỹ vẫn luôn lạc quan, bởi bà tin tưởng vào sức sống của nghề quê hương. Bà tâm sự: “thế hệ trẻ, trong đó có con cháu chúng tôi ngày nay thích đi làm việc ở công ti hơn. Nhưng tôi tin rằng, khi đã bay nhảy thỏa sức, ở tuổi về hưu, thì các con, các cháu lại tiếp tục nối nghiệp chúng tôi, quay về làm nghề truyền thống. Chúng cũng như chúng tôi, nghề đã ngấm vào máu từ tấm bé thì sẽ không sợ bị mất nghề.”*

*Từ lũy tre làng, những món đồ thủ công mỹ nghệ này đã mở ra hướng đi mới cho làng nghề, giúp giữ nghề đan truyền thống của Kim Sơn, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho lao động, đặc biệt là phụ nữ trung tuổi, cao tuổi tại địa phương. Họ chính là những “sứ giả” đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới.*

(Trích từ trang web *Cơ quan trung ương của Hội Phụ nữ Việt Nam*, ngày 17/5/2023,https://phunuvietnam.vn/su-gia-dua-cay-beo-cay-coi-viet-nam-ra-the gioi20230517115102771.htm

**Câu 1. Hãy xác định chủ đề của văn bản?**

A. Văn bản nói đến một làng nghề truyền thống.

B. Văn bản đề cập đến ý nghĩa của nghề truyền thống thời hiện đại.

C. Văn bản đề cập đến bà bà Vũ Thị Mỹ - người đã phát triển nghề truyền thống.

D. Văn bản đề cập đến những người đã đưa cây bèo, cây cói ra thế giới và phát triển nghề truyền thống.

**Câu 2 : Theo lời của bà Mỹ nghề truyền thống ở Kim Sơn đang gặp phải khó khăn nào?**

A. Chủ yếu là nông dân, không có tay nghề.

B. Tuổi đã cao nên không còn nhanh nhẹn.

C. Thế hệ trẻ thích đi làm việc ở công ty.

D. Nghề đan khó học, khó làm.

**Câu 3 Nguyên nhân nào khiến các sản phẩm từ bèo, cói đã chinh phục được nhiều thị trường khó tính như châu Âu, Nhật Bản?**

A. Vì đẹp, xinh xắn.

B**.** Vì có tính thẩm mỹ và độ bền cao và thân thiện với môi trường.

C. Vì phù hợp với thị hiếu của người bản địa.

D. Vì phù hợp với sở thích của người dân.

**Câu 4. Theo tác giả ai là "sứ giả" đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới?**

A. Phụ nữ trung tuổi, cao tuổi tại Kim Sơn.

B. Những người nông dân tại Kim Sơn.

C. Bà Vũ Thị Mỹ.

D. Các lao động nữ tại địa phương.

**Câu 5 Việc đặt nhan đề như văn bản có ý nghĩa gì?**

A. Nhấn mạnh vai trò của việc phát triển nghề đan bèo, cói.

B. Nhấn mạnh vài trò của những người đã dùng nghề truyền thống làm kinh tế

C. Nhấn mạnh vài trò của những người đã yêu mến nghề truyền thống.

D. Nhấn mạnh vai trò của những sứ giả đã mở ra hướng đi mới cho làng nghề truyền thống.  
**Câu 6 : Việc sử dụng trích dẫn trực tiếp lời của bà Mỹ trong văn bản có tác dụng gì?**

A. Nhấn mạnh lời của nhân vật.

B. Tăng tính biểu cảm cho câu văn.

C. Tăng tính thuyết phục, khách quan cho luận điểm.

D. Nhấn mạnh ý nghĩa của việc giữ gì nghề truyền thống.

**Câu 7 Ý nào KHÔNG phải là thông điệp của văn bản?**

A. Phải có tinh thần sáng tạo, bản lĩnh, tự tin.

B. Phải có tinh thần bất khuất, không chịu cúi đầu.

C. Tinh thần dũng cảm, dám đương đầu với thử thách.

D. Phải yêu và trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc.

**Câu 8 :** Nêu tác dụng của việc kết hợp các yếu tố biểu cảm, miêu tả trong văn bản?  
**Câu 9 :** Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong văn bản?

**Câu 10 :** Em có đồng ý với quan điểm của tác giả khi cho rằng *“Họ chính là những"sứ giả" đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới”* không ? Vì sao ?

**II. VIẾT (5.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Lời ru ẩn nơi nào*  *Giữa mênh mang trời đất*  *Khi con vừa ra đời*  *Lời ru về mẹ hát*  *Lúc con nằm ấm áp*  *Lời ru là tấm chăn*  *Trong giấc ngủ êm đềm*  *Lời ru thành giấc mộng*  *Khi con vừa tỉnh giấc*  *Thì lời ru đi chơi*  *Lời ru xuống ruộng khoai*  *Ra bờ ao rau muống* | *Và khi con đến lớp*  *Lời ru ở cổng trường*  *Lời ru thành ngọn cỏ*  *Đón bước bàn chân con*  *Mai rồi con lớn khôn*  *Trên đường xa nắng gắt*  *Lời ru là bóng mát*  *Lúc con lên núi thẳm*  *Lời ru cũng gập ghềnh*  *Khi con ra biển rộng*  *Lời ru thành mênh mông.*  *(****Lời ru của mẹ*** *- Thơ Xuân Quỳnh,* NXB Đồng Nai, 1997*)* |

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ trên.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | - Làm tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn cho văn bản.  - Góp phần thể hiện tình cảm, thái độ của tác giả.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- HS trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm*  *- HS trả lời được 1-2 biểu hiện: 0,25 điểm*  *- HS không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm* | 0,5 |
| **9** | -Thái độ, tình cảm: Đồng tình, trân trọng, tự hào, tin tưởng trước những sáng tạo của những người nghệ nhân, phụ nữ ở Kim Sơn  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm*  *- HS trả lời có nội dung tương đương như đáp án nhưng diễn đạt chưa tốt, chưa thuyết phục: từ 0,25 điểm*  *- HS không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm* | 0,5 |
| **10** | -HS trình bày quan điểm: đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần.  - Lí giải:  + Theo hướng đồng tình: Chính họ là người khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, từ những vật dụng của quê hương. Sản phẩm của họ được người tiêu dùng nhiều nước biết đến và sử dụng.  + Theo hướng không đồng tình: “sứ giả” phải là những người nổi tiếng, làm những công việc lớn lao, sản phẩm mang giá trị kinh tế cao…  ***Hướng dẫn chấm***  *- Học sinh làm như đáp án (chấp nhận các cách diễn đạt khác nhau); 0,5 điểm*  *- Học sinh nêu được 1 phương án: 0,25 điểm*  *- HS không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm* | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
|  | **Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : *Lời ru của mẹ*** *- Xuân Quỳnh* |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*.  **Giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : *Lời ru của mẹ*** *- Xuân Quỳnh* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  Sau đây là một số gợi ý:  \* *Giới thiệu khái quát về bài thơ*: Tác giả tác phẩm,hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ…  *\* Phân tích*  *- Giá trị nội dung đặc sắc:* Qua hình ảnh lời ru, nhà thơ đã khắc họa chân thực và xúc động vẻ đẹp của tình mẫu tử: yêu thương vô bờ bến, hi sinh tất cả vì con, mong mỏi con bình yên, hạnh phúc và thành công  + Mẹ ấp ủ yêu thương trong những tháng ngày hoài thai và chào đón con ra đời bằng lời ru ngọt ngào, ấm áp. (Khổ 1)  + Mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng hình hài và bồi đắp tâm hồn, trí tuệ của con trong những tháng ngày tuổi thơ.(Khổ 2,3,4)  + Mẹ đồng hành, chở che, dõi theo, giúp con vững bước trên đường đời vô vàn gian truân, thử thách.(Khổ 5)  *- Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:* sử dụng đắc địa thể thơ năm chữ; giọng điệu tha thiết, trìu mến; lời thơ tự nhiên, giàu tính biểu cảm; hình ảnh thơ giản dị, gần gũi; nghệ thuật ẩn dụ, điệp từ, so sánh ...  *- Đánh giá chung:* Bài thơ là những suy tư, trải nghiệm lắng sâu và cảm động về tình mẫu tử; thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh, gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc.  - Liên hệ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết; rút ra được bài học, thông điệp …  \* Đánh giá nâng cao giá trị nội dung, nghệ thuật; khẳng định giá trị bài thơ, phong cách thơ của Xuân Quỳnh.  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, dẫn chứng thuyết phục: 2.5-3.0 điểm.*   *- Lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ và dẫn chứng hợp lý: 1.75 – 2.25 điểm*   * *Luận điểm chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, dẫn chứng chưa phù hợp: 1.0- 1.5 điểm.*   *- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0.5-0.75 điểm*  *- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm* | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề nghị luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.*  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**----------------------------------HẾT --------------------------**

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi :**

*“Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.*

*Tôi nhìn ra cái tàu lăn nghiến đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và ngửi thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lăn ra chết, linh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bổn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.*

*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đồi hoa xuân lắng ong mật mà thêm ngẫm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.”*

*(Trích Tờ hoa, Tuyển tập Nguyễn Tuân (tập 2) Nxb Văn học, 1998, trang 5,6)*

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Xác định thể loại của đoạn trích trên?

A. Tiểu thuyết

B. Kịch

C. Tuỳ bút

D. Truyện ngắn.

**Câu 2.** Dòng nào nêu đúng nhất đặc điểm về lời văn, giọng điệu của đoạn trích?

A. Lời văn, giọng điệu ngắn gọn, hàm súc.

B. Lời văn, giọng điệu giàu tính hình tượng, đa nghĩa

C. Lời văn, giọng điệu bình dị, nôm na như lời ăn tiếng nói của nhân dân

D. Lời văn, giọng điệu uyển chuyển, linh hoạt, đầy sáng tạo, bất ngờ của nhân vật trữ tình.

**Câu 3.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: “*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì*.”?

A. So sánh

B. Hoán dụ

C. Điệp cấu trúc

D. Phóng đại

**Câu 4.** Theo tác giả, *đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học* về điều gì?

A. Bài học về sự chăm chỉ, cần cù.

B. Bài học về kiên nhẫn, cần lao, tích lũy, chế tạo và sáng tạo.

C. Bài học về sự kiên trì, sáng tạo.

D. Bài học về sự nhẫn nại, quyết tâm.

**Câu 5.** Dòng nào không nêu lên đặc điểm cái “Tôi” tác giả trong đoạn trích?

A. Mong muốn, khao khát khám phá những vùng đất mới của Tổ quốc.

B. Ý thức với nghề, mong muốn thức tỉnh tâm linh con người về cái Đẹp.

C. Tự tin, tự hào với vẻ đẹp con người, dân tộc thời kì mới.

D. Say mê, khao khát khám phá cái đẹp

**Câu 6.** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: *“Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống.”*

A. Con người cần phải làm nhiều công việc trong cuộc sống.

B. Con người cần phải tiết kiệm trong cuộc sống.

C. Con người cần phải chăm chỉ ngày ngày để cuộc sống của mình tốt đẹp hơn.

D. Con người cần phải tích lũy những điều tốt đẹp từ những hành động nhỏ nhất rồi sẽ góp phần vào sự tốt đẹp cho toàn xã hội.

**Câu 7.** Đâu là chủ đề chính của đoạn trích?

A. Đoạn trích ca ngợi phẩm chất: kiên nhẫn, cần lao, chăm chỉ chế tạo và sáng tạo của con người.

B. Đoạn trích ca ngợi sự kiên nhẫn, chăm chỉ của loài ong.

C. Đoạn trích nêu lên vai trò của loài ong đối với cuộc sống

D. Đoạn trích miêu tả sự kì diệu của loài ong

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Qua mạch liên tưởng về loài ong, theo em tác giả đã phát hiện những vẻ đẹp nào của cuộc sống?

**Câu 9.** Bài học có ý nghĩa nhất với anh/chị rút ra từ đoạn trích.

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 dòng) nêu suy nghĩ của bản thân về vai trò của lòng kiên nhẫn?

**II. VIẾT (5,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ), nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: ***thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.***

.................................. Hết .............................................

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | **1** | **C** | 0.5 |
|  | **2** | D | 0.5 |
|  | **3** | A | 0.5 |
|  | **4** | B | 0.5 |
|  | **5** | C | 0.5 |
|  | **6** | D | 0.5 |
|  | **7** | A | 0.5 |
|  | **8** | Qua mạch liên tưởng về loài ong, tác giả đã phát hiện những vẻ đẹp của cuộc sống:  - Vẻ đẹp của thiên nhiên.  - Vẻ đẹp của sự kiên nhẫn, sáng tạo, sự tích lũy…  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu được 2 ý cho 0,5 điểm*  *- Học sinh nêu được một ý cho 0,25 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, nếu đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục vẫn cho điểm.* | 0,5 |
|  | **9** | HS rút ra được một bài học đối với bản thân, có lí giải hợp lí, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội.  **Gợi ý:**  *- Bài học về sự kiên trì, cần cù, sáng tạo*  *- Bài học về việc đối nhân xử thế và biết yêu thương mọi người...*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu được một bài học và lí giải thuyết phục, rõ ràng cho 0,5 điểm*  *- Học sinh nêu được một bài học nhưng không lí giải cho 0,25 điểm.*  *- Học sinh lí giải chưa thuyết phục, chưa rõ ràng cho 0,25 điểm*  ***Lưu ý:*** *Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục vẫn cho điểm tối đa* | 0,5 |
|  | **10** | - Về hình thức, học sinh cần viết đúng hình thức đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.  - Về nội dung cần đảm bảo những ý sau:  + Kiên nhẫn giúp con người có ý chí bền bỉ hơn để theo đuổi mục tiêu, ước mơ, lí tưởng mà bản thân mình đề ra.  + Kiên nhẫn giúp con người xử lí những vấn đề bất ngờ một cách tốt hơn, hợp lí hơn, điềm tĩnh, sáng suốt hơn…..  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh viết đoạn văn đủ số dòng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, đúng nội dung: 0,5 điểm.*  *- Học sinh viết đoạn văn đủ số dòng, diễn đạt chưa lưu loát, còn mắc lỗi chính tả, đúng nội dung: 0,25 điểm.*  *- Học sinh viết sai nội dung: 0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, hợp lí vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5 |
| **II** | | **VIẾT** | **5,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh đảm bảo hình thức bài văn: 0,5 điểm.*  *- Học sinh viết đoạn văn: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  |  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*.  Thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  Sau đây là một hướng gợi ý: |  |
|  |  | **- Giải thích**  + *Ỷ lại:* là tự bản thân không có ý thức trách nhiệm, không cố gắng trong cuộc sống mà dựa dẫm, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác một cách thái quá.  + *Căn bệnh đang hủy diệt sức trẻ*: là cách nói hình ảnh diễn tả tác hại của thói ỷ lại đến thế hệ trẻ, khiến họ trở nên thụ động, không có khả năng đối phó với những thử thách trong cuộc sống.  *- Ý nghĩa: Câu nói nhấn mạnh đến tác hại của thói ỷ lại và cảnh báo về một hiện tượng trong đời sống: thói ỷ lại đang là căn bệnh nguy hiểm đối với con người, đặc biệt là thế hệ trẻ.*  **- Thực trạng**  + Nhiều bạn trẻ sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Họ thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suỵ nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc  + Không khó để bắt gặp những cảnh tượng bố mẹ đưa đón con đi học mỗi ngày dù con đã học cấp ba hay sinh viên đại học. Ở nhà, họ không có ý thức tự giác giúp đỡ bố mẹ, ở trường không tự giác học tập, gặp bài tập khó thì nhờ bạn bè giải giúp...  **- Nguyên nhân**  + Do sự lười biếng trong cả vận động và tư duy. Họ thích sống dựa vào người khác, thiếu đi tính độc lập, tự chủ cần có.  + Do được gia đình nuông chiều. Bố mẹ gần như quyết định hộ con cái mọi thứ và nhiệm vụ của đứa con chỉ là ngoan ngoãn làm theo ý cha mẹ, nếu có vấn đề gì thì cha mẹ sẽ là người chịu trách nhiệm.  **- Tác hại**  + Người sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường lười lao động, suy nghĩ, tư duy, thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo... dễ gặp thất bại trong mọi việc.  + Họ trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Họ giao phó vận mệnh của mình vào tay người khác và đánh mất hoàn toàn quyền tự chủ trong công việc cũng như trong cuộc sống.  + Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ỷ lại như vậy.  **- Giải pháp - Bài học nhận thức và hành động**  + Thế hệ trẻ cần học cách tự đứng trên đôi chân của mình, không được tự biến mình thành cây tầm gửi trong cuộc sống.  + Gia đình, nhà trường, xã hội cần thay đổi quan niệm về tình yêu thương và giáo dục, không nuông chiều hay quá bao bọc, cần hình thành và rèn luyện tính tự lập cho con em mình.  + Bản thân mỗi chúng ta cần tích cực rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng sống thật tốt để luôn là người có bản lĩnh, có chính kiến và chủ động đưa ra những quyết định tỉnh táo, sáng suốt trong mọi việc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh viết như yêu cầu; lập luận chặt chẽ, luận điểm sáng rõ: 2,5 điểm -3,0 điểm.*  *- Học sinh viết như yêu cầu; lập luận tương đối chặt chẽ, luận điểm còn chưa rõ ràng: 1,75 điểm -2,25 điểm.*  *- Học sinh viết chung chung, sơ sài: 1,0 điểm - đến 1,5 điểm*  *- Học sinh viết lan man, không có luận điểm: 0,25 điểm - 0,75 điểm.*  *- Học sinh lạc đề hoặc không làm bài: 0,0 điểm* | 3,0 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.  ***Hướng dẫn chấm:***  - *Ðáp ứng được các yêu cầu: 0,5 điểm.*  - *Ðáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 4:**

**Ma trận ra đề**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ trữ tình  - Văn nghị luận | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**Đề thi:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**

**TUỔI THƠ**

|  |  |
| --- | --- |
| *Trong giấc ngủ của con Đỏ ối trời hoa gạo Nhớ mẹ nhớ bà những năm giông bão Mùi rơm rạ huây hoai Mùi bùn non ngây ngái Tuổi thơ con lấm láp bãi bồi Cho chuồn ngô cắn rốn Tưởng sông Hồng hẹp hơn Thân chuối lạc đã vớt con lúc đuối. Trong giấc ngủ của con Đỏ rát trời đạn lửa Thương mẹ thương bà những năm chiến tranh Tất tả gánh gồng xuôi ngược Cháu con một đầu, nồi chảo một đầu Con ngồi hát giữa chập chèng xoong chậu* | *Con đâu hay bà và mẹ khóc thầm*  *Tưởng khóc thế là chiến tranh mau hết Nhưng bom đạn dường như không cần biết. Trong giấc ngủ của con Không có bà Tiên, cô Tấm Chỉ có u u những hồi còi báo động Và chiếc chạc xoan muốn được hóa nỏ thần Chỉ là giấc mơ thôi nhưng bà, mẹ vẫn tin Cái khao khát thơ ngây cũng giúp người lớn sống Đất nước trường tồn từ chắt chiu hy vọng Trong mỗi căn hầm Có tiếng dế tuổi thơ con!*  (Trương Nam Hương, Viết tặng những mùa xưa, NXB Thanh niên 1999) |

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ ngũ ngôn B. Thơ thất ngôn

C. Thơ tự do D. Thơ lục bát

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là ai?

A. Người bà C. Bà Tiên, cô Tấm

B. Người mẹ D. Người con

**Câu 3.** Trong giấc ngủ của con không xuất hiện những hình ảnh nào?

1. Hoa gạo B. Những hồi còi báo động
2. Bà Tiên, cô Tấm D. Chạc xoan

**Câu 4.** Câu thơ nào sau đây không có yếu tố tượng trưng?

A. Thương mẹ thương bà những năm chiến tranh.

B. Nhớ mẹ nhớ bà những năm giông bão

C. Đỏ rát trời lửa đạn

D. Và chiếc chạc xoan muốn được hoá nỏ thần.

**Câu 5.** Anh/chị hiểu gì về tuổi thơ của người con trong những câu thơ sau?

*Mùi rơm rạ huây hoai*

*Mùi bùn non ngây ngái*

*Tuổi thơ con lấm láp bãi bồi*

*Cho chuồn ngô cắn rốn*

A. Tuổi thơ nhọc nhằn, cơ cực nhưng cũng không kém phần thú vị.

B. Tuổi thơ bình yên khi được sống bên bà, bên mẹ

C. Tuổi thơ với những xáo trộn trong cuộc sống bởi chiến tranh.

D. Tuổi thơ đầy những đau thương, bi kịch.

**Câu 6.** Hình ảnh tương phản “*Con ngồi hát giữa chập chèng xoong chậu*” với hình ảnh bà và mẹ “*tất tả gánh gồng xuôi ngược*”, “*khóc thầm*” trong những năm chiến tranh đã thể hiện điều gì về tâm hồn người con?

A. Tình yêu thương của con với bà và mẹ.

B. Xót xa trước nỗi gian truân của bà và mẹ trong chiến tranh.

C. Lòng yêu đời, yêu cuộc sống của người con.

D. Sự hồn nhiên đến vô tâm của người con.

**Câu 7.** Dòng nào sau đây nêu đúng thông điệp chính của bài thơ?

A. Biết yêu thương, gắn bó, biết ơn quê hương và người thân

B. Biết ghi nhớ, trân trọng những năm tháng đau thương của đất nước.

C. Luôn thấu hiểu những khó khăn, vất vả của những người thân yêu trong gia đình.

D. Có niềm tin vào những điều kì diệu trong cuộc sống.

**Câu 8.** Câu thơ “*Trong giấc ngủ của con*” được lặp lại 3 lần đóng vai trò gì trong cấu tứ của bài thơ?

**Câu 9.** Từ những câu thơ:

*Trong giấc ngủ của con*

*Không có bà Tiên, cô Tấm*

*Chỉ có u u những hồi còi báo động*

anh/chị có suy nghĩ gì về tuổi thơ của những đứa trẻ lớn lên trong thời chiến tranh.

**Câu 10.** Theo anh/chị, “*cái khao khát thơ ngây*” có giúp mỗi người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống hay không? Vì sao?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/chị về việc *tôn trọng sự khác biệt ở mọi người* trong xã hội hiện nay.

**---------------Hết------------**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | Học sinh có thể trình bày cách hiểu theo nhiều cách trên cơ sở chỉ ra được:  - Câu thơ được lặp lại ba lần, nhân vật trữ tình hồi tưởng những kí ức về tuổi thơ vất vả, lam lũ nhưng cũng đầy thú vị, tình yêu thương của bà và mẹ.  - Bộc lộ nỗi nhớ về tuổi thơ; tình yêu thương, biết ơn với người bà, người mẹ.  - Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 0,5 |
| **9** | HS nêu được suy nghĩ của mình về tuổi thơ của những đứa trẻ trong chiến tranh. Có thể theo hướng sau:  - Tuổi thơ không có chỗ cho những điều kì diệu, mộng mơ  - Tuổi thơ không yên bình, đầy những biến động  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo nội dung trên, giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm.* | 1.0 |
| **10** | Theo anh/chị, “*cái khao khát thơ ngây*” có giúp mỗi người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống hay không? Vì sao?  - Nêu được quan điểm của mình.  - Lí giải được quan điểm: nội dung lí giải đảm bảo tính logic, thuyết phục, ngắn gọn. | 1.0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận***  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:***  Quan điểm của bản thân về việc *chấp nhận sự khác biệt ở mọi người* trong xã hội hiện nay.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: | 2,5 |
|  | - Giải thích: Tôn trọng sự khác biệt ở mọi người  - Những biểu hiện của việc tôn trọng sự khác biệt ở mọi người  - Vì sao phải tôn trọng sự khác biệt ở mọi người  - Ý nghĩa của việc tôn trọng sự khác biệt ở mọi người, đặc biệt là trong quá trình hình thành lối sống tích cực ở mỗi người  - Phản bác những ý kiến trái chiều  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Trình bày đầy đủ, nhưng còn đôi chỗ chưa sâu: 1,75 - 2,25 điểm.*  *- Trình bày còn thiếu ý, chưa sâu sắc : 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10** |

**ĐỀ SỐ 5:**

**I. ĐỌC HIỂU** *(6,0 điểm)*

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

***PHỞ***

*(Trích Nguyễn Tuân)*

*- Phở còn là một món ăn rất nhiều quần chúng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tuỳ thích.*

*Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân ViệtNam khi còn ẵm ngửa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.*

*- Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thắm tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt Nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bến ô tô nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nhẩy như trẻ em đang thú đời.Tết, nhà ai cũng bánh chưng, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mùng hai Tết.*

*Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái “gu” của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhận thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội. Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quí danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm ròn, nạm dắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng*

*to bản, với cái sung sướng bình tỉnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất hoạ thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hồi Hà nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. “Chặt thái loài có cánh đã khó, mà thái miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh thôi”.*

*[…] Hương vị phở vẫn như xa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều ... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thư quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.*

*Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen xanh ky tưởng nhớ đến một bát phở quê hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam Châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng lên một nền lý luận cho món phở.*

*Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vầng thái dương; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năm chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhảy xuống lỗ lầm; có những bát phở bị bom, bánh trương lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn cứ du kích; những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn có một hương vị thật là đặc biệt; sau này nó tổng càn, nó hất hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy; đồng chí ấy gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm cồng kềnh, các chiến sĩ đều đùa gọi là “ông hàng phở của tiểu đoàn “. Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hoà bình rồi, đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năn gian khổ đã hiện về. Giờ mà ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày bất giác cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mối cảm xúc phở vụt chốc bay xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hoá đang cúi xuống ngốn cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa, bột bánh mịn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà Nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phưng phức cái hương vị thổ ngơi.*

*Đêm Hà nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở […] Và cái món ăn Hà Nội đầu tiên … vẫn là cái món phở ngày xưa chúng ta vẫn ăn đủ cả rau mùi hành hoa đủ chua cay và sôi sùng sục. Tôi biết ở Nam Bộ vẫn có phở, phở hủ tíu, nhưng bát phở Bắc ăn ở đầu hè di cư không bao giờ có thể ngon được bằng bát phở cổ truyền Hà Nội ăn ngay bên lò than quả bàng đỏ lửa giữa ngàn năm văn vật này.*

*(*Trích *Phở -* Nguyễn Tuân*)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Xác định đề tài chính của tùy bút ***Phở*** trên.

**A**. Món phở Hà Thành.

**B.** Ẩm thực Hà Thành.

**C.** Tình cảm vợ chồng.

**D**. Món phở dân tộc.

**Câu 2.** Mục đích của tác giả trong tùy bút Phở là:

**A**. Thể hiện niềm tự hào với di sản văn hóa tinh thần dân tộc.

**B.** Ca ngợi nét độc đáo của ẩm thực dân tộc, ý thức trân trọng giá trị văn hóa

truyền thống của dân tộc.

**C.** Bộc lộ tình yêu quê hương và ẩm thực Bắc Việt.

**D.** Khám phá nét độc đáo trong thưởng thức món ngon Bắc Việt.

**Câu 3.** Dòng nào nêu đúng mô hình kết cấu của văn bản Phở trên?

**A**. Chất trữ tình + chất truyện.

**B**. Chất trữ tình + hồi ức/ hồi tưởng.

**C**. Dựa trên tiêu chí về đề tài.

**D**. Chất trữ tình + chất khảo cứu.

**Câu 4.** Yếu tố tự sự thể hiện trong văn bản ***Phở*** là:

**A**. Lịch sử xuất hiện các món ăn ngon của Hà Nội.

**B**. Lịch sử biến thiên của phở, về sự chế biến, cách thưởng thức món phở.

**C.** Ký ức về thưởng thức các món ngon, về sự chế biến cầu kỳ của người bán phở.

**D**. Câu chuyện/các sự việc đời sống khơi gợi mạch cảm xúc, tình cảm của tác giả.

**Câu 5.** Những cảm hứng nào được kết hợp khi viết về đề tài ẩm thực của văn bản trên:

**A**. Cảm hứng lãng mạn, cảm hứng bi kịch.

**B**. Cảm hứng thế sự, cảm hứng anh hùng.

**C**. Cảm hứng văn hóa-lịch sử, cảm hứng trữ tình/lãng mạn.

**D**. Cảm hứng văn hóa-lịch sử, cảm hứng anh hùng.

**Câu 6.** Mạch liên tưởng kết dính các câu chuyện về món ***Phở*** là:

**A.** Tiếp cận món Phở từ phương diện văn hóa -lịch sử- nghệ thuật.

**B.** Thương nhớ quê hương và gia đình Bắc Việt.

**C.** Thể hiện thế giới tinh thần và đời sống tình cảm tác giả.

**D.** Thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, tính cách của người viết.

**Câu 7**. Qua dòng liên tưởng về món Phở, tác giả đã phát hiện những vẻ đẹp nào

trong văn hóa ẩm thực của dân tộc?

**A.** Gu chế biến món ăn giàu tính thẩm mĩ, tính văn hóa-lịch sử.

**B.** Lối thưởng thức hương hoa cuộc sống thanh lịch, tinh tế gắn liền với nỗi

nhớ về nơi chôn rau cắt rốn.

**C.** Sau các món ăn, đó là nét đẹp cần mẫn, sáng tạo của con người.

**D.** Văn hóa ẩm thực luôn gắn liền với hương sắc quê hương.

**Câu 8.** Vì sao khi nhận xét về tiếng rao hàng phở rong, tác giả cho rằng:

*“Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy”?*

**A.** Vì mỗi món ăn gắn liền với một kỷ niệm/ký ức.

**B.** Vì món ăn thể hiện lối sinh hoạt của từng giai đoạn.

**C.** Vì gắn hoàn cảnh lịch sử và đời sống tinh thần con người từng giai đoạn.

**D.** Vì việc thưởng thức các món ăn được nhìn qua lăng kính hoài niệm.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Cảm hứng chủ đạo trong Phở là gì? Từ đó, nhận xét chân dung tinh thần

cái Tôi tác giả. *(1,0 điểm)*

**Câu 10.** Em có đồng ý với nhận định về việc thưởng thức Phở trong đoạn văn sau

không? Vì sao? *(1,0 điểm)*

*“Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa*

*nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như*

*giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thắm*

*tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một*

*tấm áo kép mặc thêm lên người”.*

**II. LÀM VĂN** *(4,0 điểm)*

*"Trong thế gian này chúng ta xót xa không chỉ vì lời nói và hành động của những kẻ xấu mà còn là sự im lặng đáng sợ của những người tốt" (M.L.King).*

Anh/ chị hãy viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

**ĐÁP ÁN**

**I. ĐỌC HIỂU** *(6,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | C | B | A | D | D | C | B |

**Câu 9. (1,0 điểm)**

- Cảm hứng chủ đạo: Tự hào, trân trọng về món Phở, ẩm thực dân tộc như

một công trình nghệ thuật - một đỉnh cao văn hóa dân tộc.

- Chân dung tinh thần cái Tôi tác giả: Say mê, khám phá ẩm thực Hà Thành,

như những công trình nghệ thuật, trân trọng, tự hào giá trị văn hóa dân tộc qua

ẩm thực, nâng việc thưởng thức món ăn thành một nghệ thuật, một triết lí nhân

sinh…

**Câu 10. (1,0 điểm)**

-Theo tác giả, món Phở ăn mùa nào cũng thấy có ý nghĩa thâm thúy vì:

+ Mùa nóng, ăn phở, ra mồ hôi, gặp gió sẽ mát hơn.

+ Mùa lạnh, ăn phở, đôi môi tái nhợt, tươi thắm lại, tức ấm hơn.

+ Mùa đông: bát phở như tấm áo kép cho người nghèo.

Như vậy, ý nghĩa thâm thúy ở đây được hiểu là: Phở đem đến lối sống thuận

tự nhiên cho con người, che chở, bảo vệ con người trong đời sống. Thưởng thức

phở thực chất là trải nghiệm nghệ thuật sống trong cuộc đời

- HS căn cứ vào gợi ý trên đưa ra quan điểm cá nhân.

**II. LÀM VĂN** *(4,0 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Bàn về sự đau đớn, thất vọng do lời nói và hành động của kẻ xấu không lớn bằng việc những người tốt không có bất cứ phản ứng gì trước những việc làm của kẻ xấu-bệnh cô cảm. | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
|  | **a. Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng cần bàn:   * Sự đau đớn, thất vọng do lời nói và hành động của kẻ xấu không lớn bằng việc những người tốt không có bất cứ phản ứng gì trước những việc làm của kẻ xấu và căn bệnh cô cảm.   **b. Thân bài:**  \* Nêu bản chất của hiện tượng - giải thích hiện tượng   * Cuộc sống là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên luôn luôn tồn tại hai loại người: xấu và tốt. Vì thế, ta thấy đau lòng vì hàng ngày, hàng giờ vẫn có những nhiều đáng tiếc xảy ra, chà đạp lên các giá trị * Sự im lặng của người tốt là sự im lặng đáng sợ vì đó là phản ứng bất bình thường của người người mà từ trước đến nay ta trân trọng -> bệnh vô cảm   -> Đây là lời cảnh báo nghiêm khắc về sự băng hoại các giá trị đạo đức trong xã hội hiện nay. Ý kiến này khẳng định: sự đau đớn, thất vọng do lời nói và hành động của kẻ xấu không lớn bằng việc những người tốt không có bất cứ phản ứng gì trước những việc làm của kẻ xấu.  \* Bàn luận thực trạng, nguyên nhân của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh  - Thực trạng: hiện tượng khá phổ biến trong xã hội + lời nói, hành động của những kẻ xấu (d/c)   * Sự im lặng đáng sợ của những người tốt - bệnh thờ ơ, vô cảm   - Nguyên nhân của hiện tượng:   * Những kẻ xấu, những kẻ kém đạo đức. Chúng làm nhiều việc trái với chuẩn mực đạo đức xã hội chỉ mong vụ lợi cho bản thân, không nghĩ đến người khác, không quan tâm tới tập thể (d/c) * Trước những bất công, vô lí, điều xấu xa đang xảy ra, trước nỗi đau của người khác… người vô cảm không có phản ứng gì bởi vì họ đã không dám lên tiếng, không dám đấu tranh để cho cuộc sống này tốt đẹp hơn. * Tại sao họ im lặng? Vì họ thấy bất lực. Họ thấy cô độc. Họ mất niềm tin...   \* Hậu quả của hiện tượng:   * Lời nói, hành động của kẻ xấu, sự thờ ơ vô cảm làm cho xã hội trở nên bất ổn, con người mất hết niềm tin vào những điều tốt đẹp (d/c)   \* Giải pháp khắc phục:   * Nâng cao nhận thức ở giới trẻ: nhà trường và đoàn thanh niên …cần thường xuyên tổ chức các diễn đàn để tuyên truyền, giáo dục thanh niên về lối sống đẹp * Cần phê phán quyết liệt và nghiêm khắc nhắc nhở những cá nhân có hành vi xấu, vô cảm   **c. Kết bài:**   * Phải nhận thức rõ những việc làm tốt – xấu xung quanh cuộc sống của mình. Không làm ngơ trước cái xấu, cái ác, không có thái độ sống thờ ơ, vô cảm * Ủng hộ việc làm của những người tốt, có ý thức bảo vệ người khác để xã hội ngày một tốt đẹp hơn. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |

**ĐỀ SỐ 6:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Mỗi sáng mẹ tôi gỡ tóc bằng cái lược thưa gỗ vàng vàng, thế nào rồi cũng có ít tóc rối. Mẹ vo vo giắt nó lên đòn tay chỗ mái hiên nhà. Rồi chị tôi cũng làm thế, bắt chước mẹ cũng gỡ tóc, vo vo giắt mớ tóc rối lên chỗ ấy.*

*Thỉnh thoảng trên đường làng có bà cụ rao to: “Ai tóc rối đổi kẹo không?”. Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,… còn bên kia chỉ có cái niêu đất, đúng hơn là một cái ang, cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê.*

*Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đũa cả, quấn vào đầu que, thật khéo, kẹo cứ lồng khồng, trông rất nhiều, nhưng cho vào miệng nó xẹp lại chỉ còn tí tẹo. Bà cụ đưa kẹo cho chúng tôi, đổi lại nắm tóc rối của bà, của mẹ hay của chị.*

*Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi. Thế là mỗi lần bà cụ qua ngõ, tôi lại kiễng chân, với tay lên chỗ mái hiên… Mẹ bảo đó là kẹo mầm làm bằng mầm cây mạ, mầm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả. Nhưng sao nó ngọt thế, hơn cả kẹo bột, kẹo bi.*

*Mẹ tôi đã mất. Chị tôi đi lấy chồng xa…*

*Cứ mỗi lần có ai đi qua rao lên: “Ai đổi kẹo”, tôi lại tưởng như thấy mẹ tôi ngồi đầu hè gỡ tóc bằng cái lược gỗ màu vàng vàng, đầu mẹ nghiêng nghiêng, sóng tóc đổ dài một bên vai, và rồi mẹ vuốt cái lược, vo vo nắm tóc, giắt nó lên mái hiên nhà…*

*Que kẹo mầm tuổi thơ… Mẹ ơi…. Còn có bao giờ con được thấy mẹ ngồi gỡ tóc như thế nữa.*

(*Kẹo Mầm,* Băng Sơn, in trong *Ngữ văn 7,* tập 1,

Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2017, Tr. 138)

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản trên là:

A. Biểu cảm và thuyết minh

B. Thuyết minh và nghị luận

C. Tự sự và nghị luận

D. Tự sự và biểu cảm

**Câu 2.** Đối tượng chính được nói tới trong văn bản là:

A. Tóc rối

B. Kẹo mầm

C. Bà cụ bán kẹo mầm

D. Hình ảnh người mẹ

**Câu 3.** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,…”?

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Liệt kê

**Câu 4.** Dòng nào sau đây nói về đặc điểm của món kẹo mầm?

A. “cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê”

B. “Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đũa cả, quấn vào đầu que”

C. “Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi”

D. “kẹo mầm làm bằng mầm cây mạ, mầm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả”

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của văn bản?

A. Hồi tưởng về tuổi thơ đã qua

B. Hồi tưởng về món kẹo mầm thuở nhỏ

C. Hồi tưởng về món kẹo mầm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ, người chị

D. Hồi tưởng về hình ảnh mẹ và chị ngồi gỡ tóc rối dưới mái hiên nhà

**Câu 6.** Cảm xúc chủ đạo của văn bản là:

A. Nhớ tiếc quá khứ

B. Trân trọng tuổi thơ

C. Yêu thương mẹ và chị

D. Khát khao trở về quá khứ

**Câu 7.** Cái tôi của tác giả được thể hiện như thế nào qua văn bản?

A. Cái tôi đa cảm

B. Cái tôi tài hoa

C. Cái tôi uyên bác

D. Cái tôi sắc sảo

**Câu 8.** Xác định đề tài của văn bản.

**Câu 9.** Anh/Chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

**Câu 10.** Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của thời thơ ấu? (Viết khoảng 5 – 7 câu).

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về sức mạnh của niềm hi vọng.

------------------------------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | **D** | 0.5 |
| **2** | **B** | 0.5 |
| **3** | **D** | 0.5 |
| **4** | **D** | 0.5 |
| **5** | **C** | 0.5 |
| **6** | **A** | 0.5 |
| **7** | **A** | 0.5 |
| **8** | Đề tài của văn bản: Sự hồi tưởng lại món kẹo mầm tuổi thơ  *HS trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm*  *HS trả lời không đúng không cho điểm* | 0.5 |
| **9** | Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là tích cực và có liên quan đến nội dung của văn bản. Tham khảo:  - Phải biết yêu thương những người trong gia đình  - Hãy lưu giữ và trân trọng những kí ức tươi đẹp  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS rút ra được bài học có liên quan đến nội dung văn bản: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời nội dung không phù hợp: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | Suy nghĩ về vẻ đẹp của thời thơ ấu:  - Đó là một khoảng thời gian tươi đẹp, khi ta còn hồn nhiên, vô lo vô nghĩ  - Đó cũng là quãng thời gian mà ta được sống trong sự đùm bọc, yêu thương, trong sự ấm áp quây quần của gia đình  - Tuổi thơ còn là dưỡng chất để nuôi dưỡng tâm hồn ta, cho ta thêm sức mạnh để đối mặt với những khó khăn khi ta bước vào tuổi trưởng thành.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS làm rõ được nội dung văn bản: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời nội dung không phù hợp: 0 điểm* | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  **Trình bày suy nghĩ của mình về sức mạnh của niềm hy vọng.**  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề:*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  Sau đây là một số gợi ý:  **I. MỞ BÀI**  - Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận: Người ta thường nói, mất của cải là mất ít, mất hy vọng là mất tất cả. Hy vọng chính là huyết mạch của sự sống.  - Nêu tính cấp thiết của vấn đề: Từ đó, ta thấy được hy vọng có sức mạnh vô cùng to lớn trong cuộc sống của mỗi con người.  **II. THÂN BÀI**  1. Giải thích vấn đề:  Hy vọng chính là việc con người luôn đặt niềm tin vào tương lai, tin tưởng rằng tương lai sẽ mở ra những điều tốt đẹp hơn so với hiện tại.  2. Sức mạnh của niềm tin:  - Niềm tin giúp chúng ta luôn hướng về tương lai tươi sáng, từ đó mà đủ dũng khí để vượt qua những khó khăn trong hiện tại  - Niềm tin giúp con người không ngừng nỗ lực, phấn đấu để khắc phục những khuyết điểm và phát huy hơn nữa những ưu điểm của bản thân  - Niềm tin giúp ta không rơi vào bi lụy, do đó mà có một đời sống tinh thần cân bằng, thoải mái  - Niềm tin cũng giúp cho chúng ta biết yêu thương người khác nhiều hơn  3. Mở rộng:  - Niềm tin là vô cùng quan trọng, nhưng đó phải là niềm tin được xác lập trên một cơ sở thực tế hợp lí, nếu không, nó sẽ trở nên mù quáng  - Có niềm tin thôi chưa đủ, con người cần phải có lòng kiên trì, cần phải hành động chăm chỉ và đúng đắn để biến niềm tin thành hiện thực  **III. KẾT BÀI**  - Khẳng định vấn đề: Niềm tin là vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người.  - Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề: Mỗi con người cần nuôi dưỡng cho mình những niềm tin tốt đẹp vào tương lai, để từ đó có động lực học tập, phấn đấu, nhằm hướng tới một cuộc sống thành công, hạnh phúc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Trình bày đầy đủ, nhưng còn đôi chỗ chưa sâu: 1,75 - 2,25 điểm.*  *- Trình bày còn thiếu ý, chưa sâu sắc : 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 7:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Những tình yêu thật thường không ồn ào*

*chúng tôi hiểu đất nước đang hồi khốc liệt*

*chúng tôi hiểu điều ấy bằng mọi giác quan*

*bằng chén cơm ăn mắm ruốc*

*bằng giấc ngủ bị cắt ngang cắt dọc*

*bằng những nắm đất mọc theo đường hành quân*

*có những thằng con trai mười tám tuổi*

*chưa từng biết nụ hôn người con gái*

*chưa từng biết những lo toan phức tạp của đời*

*câu nói đượm nhiều hơi sách vở*

*khi nằm xuống*

*trong đáy mắt vô tư còn đọng một khoảng trời*

*hạnh phúc nào cho tôi*

*hạnh phúc nào cho anh*

*hạnh phúc nào cho chúng ta*

*hạnh phúc nào cho đất nước*

*có những thằng con trai mười tám tuổi*

*nhiều khi cực quá, khóc ào*

*nhiều lúc tức mình chửi bâng quơ*

*phanh ngực áo và mở trần bản chất*

*mỉm cười trước những lời lẽ quá to*

*nhưng nhất định không bao giờ bỏ cuộc.*

(Trích *Thử nói về hạnh phúc* – Thanh Thảo, Thơ hay Việt Nam thế kỷ XX, NXB Văn hóa Thông tin, 2006)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ ngũ ngôn B. Thơ thất ngôn

C. Thơ tự do D. Thơ lục bát

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở đoạn trích trên là gì?

1. Miêu tả B. Biểu cảm
2. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 3.** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên là ai?

A. Người lính C. Chúng ta

B. Người anh D. Chúng tôi

**Câu 4.** Dòng thơ nào sau đây có yếu tố tượng trưng?

A. *Những tình yêu thật thường không ồn ào*

B. *chúng tôi hiểu điều ấy bằng mọi giác quan*

C*. chưa từng biết những lo toan phức tạp của đời*

D. *hạnh phúc nào cho chúng ta*

**Câu 5.** Anh/chị hiểu gì về tâm hồn *“những thằng con trai mười tám tuổi”* trong những dòng thơ sau?

*có những thằng con trai mười tám tuổi*

*chưa từng biết nụ hôn người con gái*

*chưa từng biết những lo toan phức tạp của đời*

*câu nói đượm nhiều hơi sách vở*

*khi nằm xuống*

*trong đáy mắt vô tư còn đọng một khoảng trời*

A. Tâm hồn ngây thơ và trong sạch

B. Tâm hồn trong sáng và lãng mạn

C. Tâm hồn lãng mạn và trẻ trung

D. Tâm hồn ngây thơ và dại khờ

**Câu 6.** Những hình ảnh *chén cơm ăn mắm ruốc, giấc ngủ bị cắt ngang cắt dọc, những nắm đất mọc theo đường hành quân* có giá trị diễn tả điều gì?

A. Vẻ đẹp tâm hồn người lính.

B. Sức chịu đựng gian khổ của người lính.

C. Hiện thực gian khổ trong chiến tranh.

D. Hiện thực có thật trong chiến tranh.

**Câu 7.** Anh/chị hiểu *“những tình yêu thật”* được nói đến trong đoạn thơ trên là gì?

A. Tình yêu lứa đôi.

B. Tình yêu Tổ quốc.

C. Tình yêu quê hương

D. Tình yêu Tổ quốc và tình yêu đôi lứa

**Câu 8.** Nêu hiệu quả của phép điệp trong đoạn thơ sau:

*hạnh phúc nào cho tôi*

*hạnh phúc nào cho anh*

*hạnh phúc nào cho chúng ta*

*hạnh phúc nào cho đất nước*

**Câu 9.** Theo anh/chị giữa “hạnh phúc… cho tôi” và “hạnh phúc… cho đất nước” điều nào quan trọng hơn? Vì sao?

**Câu 10.** Nêu thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chị sau khi đọc đoạn thơ trên.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận phản biện quan niệm *hạnh phúc là khi người ta dư thừa vật chất.*

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | - Nhấn mạnh những trăn trở của con người về sự lựa chọn hạnh phúc.  - Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho lời thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể trả lời theo cách hiểu và lựa chọn của bản thân, nhưng cần đảm bảo sự lí giải hợp lí và thuyết phục:  - Chọn “hạnh phúc cho tôi” vì cá nhân hạnh phúc sẽ thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng, đất nước.  - Chọn “hạnh phúc cho đất nước” vì chỉ khi đất nước “hạnh phúc” thì mỗi cá nhân mới có được hạnh phúc trọn vẹn.  ***\* Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo nội dung trên, giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm.* | 1.0 |
| **10** | Học sinh có thể chọn các thông điệp mà bản thân tâm đắc:  - Tuổi trẻ phải biết cống hiến và hi sinh cho đất nước  - Hạnh phúc của cá nhân phải được đặt trong mối quan hệ với đất nước và dân tộc.  ***\* Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu thì giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm.* | 1.0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận***  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:***  phản biện quan niệm *hạnh phúc là khi người ta dư thừa vật chất.*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. | 2,5 |
|  | - Giải thích:  + Hạnh phúc: trạng thái cảm xúc khi con người được thỏa mãn một hay nhiều nhu cầu nào đó mà bản thân mong đợi.  + Dư thừa vật chất: sự đủ đầy về vật chất, sự thỏa mãn mọi ham muốn về vật chất.  - Phản biện:  + Hạnh phúc là trạng thái cảm xúc thuộc về tinh thần của con người mà sự đủ đầy lại là vật chất nên không thể đồng nhất với nhau. Heraclitus từng nói "Nếu thỏa mãn vật chất là hạnh phúc thì ta có thể xem con bò là hạnh phúc...".  + Nhu cầu của tâm hồn rất phong phú nên chỉ riêng vật chất không đủ để thỏa mãn nó.  + Hạnh phúc không chỉ là cảm giác thỏa mãn cá nhân mà còn liên quan đến những người xung quanh. Karl Marx đã nói "Người hạnh phúc nhất là người đem đến hạnh phúc cho nhiều người nhất..."; "Chỉ có cầm thú mới quay mặt trước nỗi đau của đồng loại, mà chăm lo cho hạnh phúc riêng của mình".  - Bài học: Mỗi người cần biết dung hòa giữa vật chất và tinh thần, cá nhân và tập thể để tìm được niềm hạnh phúc thực sự trong cuộc đời.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Trình bày đầy đủ, nhưng còn đôi chỗ chưa sâu: 1,75 - 2,25 điểm.*  *- Trình bày còn thiếu ý, chưa sâu sắc : 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10** |

**ĐỀ SỐ 8:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.*

*Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.*

*Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!*

*Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi làm cho người ta muốn phát điên lên như thế ấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.*

*Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.*

*Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.*

*Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.*

*Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.*

*Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ra ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.*

*Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hoá vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.*

*Vũ Bằng, Thương nhớ mười hai, NXB Văn học, Hà Nội, 1993*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại**

A. Tản văn

B. Tùy bút

C. Kí

D. Truyện kí

**Câu 2. Bên cạnh yếu tố trữ tình (biểu cảm), văn bản trên có sử dụng thêm phương thức biểu đạt nào khác?**

A. Tự sự và miêu tả

B. Miêu tả và nghị luận

C. Miêu tả và thuyết minh

D. Tự sự và thuyết minh

**Câu 3. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?**

A. Bày tỏ cảm xúc yêu mến với mùa xuân của Hà Nội, mùa xuân của Bắc Việt

B. Thuật lại kỉ niệm khó quên về tết Hà Nội

C. Bày tỏ nỗi nhớ Hà Nội

D. Miêu tả không khí mùa xuân Hà Nội

**Câu 4. Biện pháp tu từ được nhà văn sử dụng trong câu sau là gì?**

*Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.*

A. So sánh và nhân hóa

B. So sánh và điệp từ

C. So sánh và ẩn dụ

D. So sánh và liệt kê

**Câu 5. Biện pháp lặp cấu trúc được sử dụng trong đoạn sau có tác dụng gì?**

*Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.*

A. Khẳng định vẻ đẹp của mùa xuân

B. Khẳng định mùa xuân là mùa của yêu thương và tình yêu

C. Khẳng định ai cũng chuộng mùa xuân, những sự việc hiển nhiên không bao giờ dừng lại cũng như việc không bao giờ có người hết yêu mùa xuân

D. Khẳng định tình cảm của nhà văn với mùa xuân đất trời

**Câu 6. Đọc văn bản và chỉ ra khoảng thời gian mà tác giả cảm thấy *“yêu mùa xuân nhất”***

A. Đầu xuân

B. Tết nguyên Đán

C. Sau rằm tháng giêng

D. Cuối mùa xuân

**Câu 7. Cảm xúc chủ đạo của văn bản trên là:**

A. Niềm hoài niệm trước những vẻ đẹp truyền thống xưa cũ

B. Tình yêu và nỗi nhớ với tết Hà Nội

C. Tình yêu và nỗi nhớ với Hà Nội mùa xuân

D. Tình yêu và nỗi nhớ với những điều bình dị nhất của mùa xuân của Bắc Việt

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Lựa chọn một biện pháp tu từ trong văn bản trên và phân tích

**Câu 9.** Chỉ ra những đặc điểm của tản văn xuất hiện trong văn bản

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) chia sẻ cảm nhận của em về mùa xuân (hoặc Tết) ở địa phương mà em sinh sống

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Dựa vào nội dung của văn bản trên, em hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi, bàn luận về: **Những giá trị tinh thần quan trọng của mỗi người con xa xứ khi nhớ về quê hương.**

***HƯỚNG DẪN LÀM BÀI***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | A | 0.5 |
| **2** | C | 0.5 |
| **3** | A | 0.5 |
| **4** | B | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | HS có thể lựa chọn các biện pháp sau:  **- Điệp cấu trúc:** *Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết.* ***Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân****. (Ai – cấm/đừng – động từ chỉ cảm xúc yêu, nhớ)*  **- So sánh**: *Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi làm cho người ta muốn phát điên lên như thế ấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh. (Những xúc cảm mạnh mẽ trong tâm hồn khi đón nhận mùa xuân)*  (Hoặc có thể có những biện pháp khác miễn sau HS chỉ đúng và có kiến giải phù hợp) | 0.5 |
| **9** | **Đặc điểm tản văn trong văn bản**  - **Về yếu tố trữ tình**: Cảm xúc của nhà văn về mùa xuân Hà Nội và Bắc Việt, bày tỏ niềm yêu thương, nhớ nhung về những điều bình dị nhất. (Cảm xúc yêu, mến được nhắc lại nhiều lần trong văn bản)  **- Đan xen yếu tố miêu tả và thuyết minh:** Miêu tả những đặc điểm của mùa xuân, thuyết minh thêm về những món ăn, những nét văn hóa đẹp của mùa xuân Bắc Việt (Các đoạn văn miêu tả về không khí, về các món ăn ngon sau rằm tháng giêng, các nghi lễ khác của mùa xuân Bắc Việt)  (Mỗi luận điểm HS đưa thêm các dẫn chứng thuyết phục) | 1.0 |
| **10** | Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình về vấn đề theo dòng cảm xúc của cá nhân đảm bảo yêu cầu  - Mùa xuân hoặc Tết ở địa phương nào?  - Một số nét đặc sắc  - Cảm nhận chung của em | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  Những giá trị tinh thần của người con xa xứ khi nhớ về quê hương | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu những người con xa xứ là những ai (họ cần gì và nghĩ gì khi nhắc đến quê hương), những giá trị tinh thần của họ có thể là những gì?  - *Sau đây là một hướng gợi ý:*  *1. Những người con xa xứ - là những đối tượng nào? Họ cần gì và nghĩ gì về quê hương?*  - Du học sinh  - Người làm ăn xa  - Người định cư bên nước ngoài nhưng có gia đình tại Việt Nam  *2. Đưa ra các giá trị tinh thần và vai trò của những giá trị tinh thần đó trong cuộc sống của những người xa xứ*  - Tình cảm của những người trong gia đình, bạn bè thân yêu, có thể là nỗi nhớ mong, niềm hi vọng  - Kỉ niệm với nơi mà họ đã sinh ra và lớn lên gắn bó (Các dịp lễ Tết hoặc các món ăn ngon)  - Nỗi trông mong đoàn tụ và mong muốn trở về quê hương để xây dựng quê hương đồng thời phát triển sự nghiệp tại quê hương  *3. Nếu không có những giá trị tinh thần thì cuộc sống của những người xa xứ sẽ ra sao?*  - Mất cân bằng  - Thiếu niềm tin và chỗ dựa  - Không có một điểm tựa để hi vọng và để trở về  **Lưu ý:** Với mỗi luận điểm, HS cần lí giải vì sao đây là NHỮNG GIÁ TRỊ TINH THẦN QUAN TRỌNG, giá trị ấy giúp đỡ mỗi người xa xứ như thế nào? Có thể lấy ví dụ minh chứng ra sao | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 9:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc truyện ngắn sau:**

*Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:*

*- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.*

*Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.*

*Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mùng một con bé Em đi về ngoại thì mùng hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thắt nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.*

*Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:*

*- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?*

*- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.*

*- Vậy mầy được mấy bộ?*

*- Có một bộ hà.*

*Con bé Em trợn mắt:*

*- Ít quá vậy?*

*- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.*

*- Vậy à?*

*Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.*

*Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:*

*- Còn mầy?*

*- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùng một tới mùng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.*

*- Mầy sướng rồi.*

*Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mèm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:*

*- Bộ đồ mầy may chắc đẹp lắm, bữa mùng hai mầy mặc bộ đó đi nhà cô hen?*

*Rồi tới mùng một, mùng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:*

*- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.*

*Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé em. Thiệt đó.*

(*Áo Tết,* Nguyễn Ngọc Tư*,* in trong *Bánh trái mùa xưa,* NXB Văn học)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Truyện ngắn trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

A. Ngôi thứ ba

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ nhất

D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

**Câu 2.** Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

A. Điểm nhìn của nhân vật bé Em

B. Điểm nhìn của nhân vật Bích

C. Điểm nhìn của nhân vật người kể chuyện

D. Cả B và C

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây nói đúng về đặc điểm của lời kể trong truyện? (0,5 điểm)

A. Chỉ có lời nhân vật

B. Chỉ có lời người kể chuyện

C. Bao gồm cả lời người kể chuyện và lời nhân vật

D. Bao gồm cả lời người kể chuyện, lời nhân vật và lời tác giả

**Câu 4.** Sự kiện đáng chú ý nhất trong truyện ngắn trên là: (0,5 điểm)

A. Bích và bé Em được may đồ Tết

B. Bích và bé Em mặc đồ mới đi chúc Tết cô giáo

C. Bé Em có bốn bộ đồ Tết, trong khi Bích chỉ có một bộ

D. Bé Em cố ý mặc đồ hơi giống bộ đồ của Bích khi đi chúc Tết cô giáo

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây nói lên nội dung tóm tắt của truyện? (0,5 điểm)

A. Kể về chuyện may đồ Tết của Bích và bé Em và cách hành xử tế nhị của bé Em trong ngày hai đứa mặc đồ mới đi chúc Tết cô giáo

B. Kể về việc bé Em được may bốn bộ đồ Tết trong khi đó Bích chỉ được mẹ may cho một bộ

C. Kể về việc bé Em đã cố tình mặc đồ hơi giống Bích trong ngày hai đứa mặc áo mới đi thăm cô giáo

D. Kể về cuộc trò chuyện thân mật giữa Bích và bé Em về chuyện may đồ Tết

**Câu 6.** Việc bé Em quyết định không mặc bộ đầm hồng mà mặc bộ đồ hơi giống bạn của mình khi cùng bạn đi thăm cô giáo cho thấy bé Em là một cô bé như thế nào? (0,5 điểm)

A. Là một cô bé có tâm hồn tinh tế

B. Là một cô bé thích thể hiện

C. Là một cô bé khiêm tốn

D. Là một cô bé giảu lòng nhân ái

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây nói lên chủ đề của truyện ngắn trên? (0,5 điểm)

A. Ca ngợi tấm lòng tinh tế, cách hành xử tế nhị của nhân vật bé Em

B. Ca ngợi tình bạn chân thành, cao đẹp của bé Em và Bích

C. Phê phán sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội

D. Cả A và B

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Ở bậc THCS, bạn cũng đã từng được học một truyện ngắn nói về sự đồng cảm, tình yêu thương của những đứa trẻ con nhà giàu đối với những đứa trẻ con nhà nghèo khó. Đó là truyện ngắn nào, của tác giả nào? (0,5 điểm)

**Câu 9.** Bạn rút ra được bài học gì về tình bạn sau khi đọc truyện ngắn trên? (1,0 điểm)

**Câu 10.** Từ truyện ngắn trên, bạn suy nghĩ gì về ý nghĩa của sự đồng cảm đối với người khác trong hoàn cảnh khó khăn? (Viết khoảng 5 – 7 dòng) (1,0 điểm)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong việc xây dựng hình tượng nhân vật bé Em ở truyện ngắn trên.

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | C | 0.5 |
| **4** | D | 0.5 |
| **5** | A | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | Truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” của tác giả Thạch Lam | 0.5 |
| **9** | Học sinh được tự do rút ra bài học cho bản thân, miễn là tích cực và liên quan đến nội dung câu chuyện. Tham khảo:  - Cần tinh tế trong đối xử với bạn bè  - Nên đề cao tình cảm chân thành, không nên quan trọng ở vật chất | 1.0 |
| **10** | Suy nghĩ về ý nghĩa của sự đồng cảm đối với người khác trong hoàn cảnh khó khăn:  - Sự đồng cảm giúp chúng ta có thái độ đối xử chân thành  - Sự động cảm giúp người khác không cảm thấy tự ti, mặc cảm  - Sự đồng cảm giúp duy trì những mối quan hệ tốt đẹp  v.v… | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong việc xây dựng hình tượng nhân vật bé Em ở truyện ngắn trên. | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  Sau đây là một số gợi ý:  I. MỞ BÀI  - Giới thiệu truyện kể: “Áo tết” là một truyện ngắn nhẹ nhàng mà sâu sắc của nhà văn Nam Bộ Nguyễn Ngọc Tư.  - Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá: Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng đi vào phân tích, đánh giá về hình tượng nhân vật bé Em, nhân vật mà thông qua đó, tác giả đã gửi đến người đọc nhiều bài học sâu sắc.  II. THÂN BÀI  1. Tóm tắt truyện: Truyện xoay quanh câu chuyện áo tết của hai đứa bé là bé Em và Bích. Bé Em được mẹ may cho bốn bộ áo tết, trong khi đó Bích, bạn của bé Em, vì nhà nghèo nên chỉ được mẹ may cho một bộ. Để bạn không cảm thấy tủi thân, trong ngày đi chúc tết cô giáo, bé Em đã mặc bộ đồ hơi giống Bích. Hiểu được tấm lòng của bé Em, Bích thêm yêu quý bạn của mình.  2. Xác định và phân tích, đánh giá chủ đề:  a. Xác định chủ đề:  Thông qua câu chuyện về áo tết và cách hành xử của nhân vật bé Em, truyện ca ngợi tình bạn chân thành giữa bé Em và Bích, ca ngợi tấm lòng nhạy cảm, tinh tế của bé Em đối với người bạn của mình.  b. Phân tích, đánh giá chủ đề:  - Truyện là bài ca về tình bạn hồn nhiên, trong sáng nhưng rất chân thành và tinh tế. Bé Em và Bích tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã luôn biết nghĩ cho bạn của mình. Bé Em vì nghĩ đến hoàn cảnh của bạn nên đã không nỡ khoe chuyện mình được may áo đẹp. Bích vì quan tâm đến bạn nên vẫn hỏi han bạn để bạn có cơ hội khoe áo mới của mình. Đặc biệt nhất là cách hành xử của bé Em trong ngày đi chúc tết cô giáo. Bé Em đã ăn mặc hơi giống bạn để bạn không thấy tự ti. Còn Bích thì biết được tấm lòng của bạn, nên Bích nghĩ rằng, chỉ cần sự chân thành đó, và dù bé Em có mặc đẹp hơn Bích đi chăng nữa, thì Bích vẫn thương quý bạn mình.  - Tuy viết về tình bạn hồn nhiên của hai đứa trẻ, nhưng truyện cũng là bài học cho tình bạn ở mọi lứa tuổi, cho mọi mối quan hệ giữa con người với con người: Trong ứng xử với người khác, hãy luôn lấy sự chân thành làm nền tảng, phải luôn thấu hiểu lẫn nhau, để không làm cho nhau bị tổn thương. Khi ta hành xử được như vậy thì người khác cũng sẽ nhân đó mà quý trọng, yêu thương ta nhiều hơn nữa.  3. Hình tượng nhân vật bé Em:  - Bé Em mang trong mình tích cách hồn nhiên của trẻ thơ: thích khoe đồ mới, và em thực hiện ý muốn đó một cách cũng rất trẻ con, bằng cách gạn hỏi bạn trước, để từ đó tìm cơ hội khoe áo mới của mình.  - Nhưng dù còn nhỏ tuổi, bé Em đã là một cô bé nhạy cảm và tinh tế. Khi nghe Bích nói về hoàn cảnh của mình, bé Em đã khựng lại, hết hứng, nửa muốn khoe nửa muốn không. Bé muốn khoe vì cái nỗi sung sướng của trẻ con khi được may áo mới vẫn còn chộn rộn trong lòng, nhưng bé cũng không muốn khoe vì như thế sẽ khiến bạn cảm thấy tủi thân.  - Rồi sau khi được bạn gạn hỏi, sau khi phải nói ra việc mình có những bốn bộ đồ mới, khi chứng kiến đôi mắt “xịu xuống, buồn hẳn” của bạn, và nghĩ đến hoàn cảnh của bạn, bé Em đã có một cách hành xử vô cùng đẹp, vô cùng nhân văn. Đó là ngày đi chúc tết cô giáo, để bạn không bị mặc cảm, bé em đã mặc đồ hơi giống bạn. Một cách hành xử rất trẻ con, nhưng lại khiến ta xúc động: xúc động vì cách hành xử đó xuất phát từ lòng yêu thương, từ sự sâu sắc và tinh tế của tâm hồn của một đứa trẻ. Cách hành xử ấy đáng cho người lớn phải học tập.  III. KẾT BÀI  - Khẳng định khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của truyện: Câu chuyện đã cho ở phần Đọc hiểu không chỉ sâu sắc về mặt chủ đề, chứa đựng nhiều bài học cuộc sống vô cùng giá trị mà còn để lại ấn tượng bởi nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, đặc biệt là hình tượng nhân vật bé Em.  - Nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân và người đọc: Câu chuyện đã giúp ta hiểu được rằng: trong tình bạn, trong cách đối xử giữa con người với con người, chúng ta cần đem lòng chân thành mà đối đãi, lấy sự tinh tế mà ứng xử, từ đó mới có thể xây dựng lên được những mối quan hệ bền vững và tốt đẹp. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 10:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TỜ HOA**

**(Nguyễn Tuân)**

*Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966*

*Tôi nhìn ra cái tàu lăn nghiến đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và ngửi thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lăn ra chết, tinh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bổn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.*

*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đối hoa xuân lắng ong mật mà thêm ngẫm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.*

*Người ta hay nhắc đến mang nặng đẻ đau. Có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khó đau và nặng nhọc đèo bòng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biến xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi ron bế lẻn vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước rãi bọc lấy cải hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy rãi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát khối tình con, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trăn ánh ngời (…)*

*(Báo Văn Nghệ số 143 - Tết Bính Ngọ)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại**

A. Tản văn

B. Tùy bút

C. Kí

D. Truyện kí

**Câu 2. Bên cạnh yếu tố trữ tình (biểu cảm), văn bản trên có sử dụng thêm phương thức biểu đạt nào khác?**

A. Tự sự và miêu tả

B. Tự sự và nghị luận

C. Miêu tả và thuyết minh

D. Tự sự và thuyết minh

**Câu 3. Thông qua câu chuyện về con ong, tác giả muốn nói đến điều gì?**

A. Bài học về kiên nhẫn, cần lao và tích lũy, chế tạo và sáng tạo

B. Bài học về sự may mắn

C. Bài học về sự nỗ lực không ngừng nghỉ

D. Bài học về sự chế tạo và sáng tạo

**Câu 4. Biện pháp tu từ được nhà văn sử dụng trong câu sau là gì?**

*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì.*

A. So sánh

B. Điệp ngữ

C. Ẩn dụ

D. Liệt kê

**Câu 5. Qua câu chuyện của con trai, tác giả muốn gửi gắm điều gì?**

A. Quá trình sáng tạo và thành công phải đến từ sự đau đớn

B. Quá trình sáng tạo và thành công cần đến rất nhiều khó khăn

C. Quá trình sáng tạo và thành công tựa như quá trình hoài thai, cần rất nhiều đau đớn, khó khăn và trải nghiệm.

D. Quá trình sáng tạo và thành công không dễ dành với bất kì ai

**Câu 6. Phép tu từ được tác giả sử dụng trong câu văn sau là gì?**

*Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bổn mạng ra mà trả lời.*

A. Nhân hóa và so sánh

B. Nhân hóa và ẩn dụ

C. So sánh và ẩn dụ

D. Nhân hóa và ẩn dụ

**Câu 7. Đoạn văn bản đã tập trung thể hiện rõ đặc điểm nổi bật nào trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân?**

A. Sự tài hoa, uyên bác và đậm chất suy tư

B. Kho từ ngữ phong phú, giàu có

C. Sự chiêm nghiệm lớn về cuộc đời

D. Sự quan sát tinh tế các sự vật, hiện tượng xung quanh

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** *“Tôi nhìn…”, “Giờ tôi mới biết rằng…”, “cái tôi thấy say say…”*

Qua các cụm từ trên anh/chị hiểu gì về cái “tôi” trong thể loại tùy bút?

**Câu 9.** Trong đoạn văn bản trên, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để nói về hạt ngọc trai? Tác dụng nghệ thuật của chuỗi từ ngữ đó?

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày quan điểm của em về vấn đề: **Không có một thành công nào dễ dàng đạt được.**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn thuyết minh có kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm và nghị luận về một lối sống tích cực của giới trẻ ngày nay.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | B | 0.5 |
| **2** | B | 0.5 |
| **3** | A | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | HS có thể trả lời dựa trên gợi ý sau:  Qua các cụm từ “Tôi nhìn…”, “Giờ tôi mới biết rằng…”, “cái tôi thấy say say…” ta thấy được cái “tôi” trong thể tùy bút của nhà văn Nguyễn Tuân đó là: Cái tôi thể hiện trực tiếp trong tác phẩm và cái tôi đó có được là từ sự quan sát, trải nghiệm và tưởng tượng của tác giả. | 0.5 |
| **9** | Trong đoạn văn bản trên, tác giả đã sử dụng một chuỗi những từ ngữ phong phú để nói về hạt ngọc trai: *hạt cát; một hạt bụi biển xâm lăng vào vở trai, lòng trai; cái bụi bặm khách quan nơi rốn bể lẻn vào cửa trai; cái hạt buốt sắc; hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình; hạt đau hạt xót; hạt cát khối tình con; một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.*  Qua đó, người viết vừa tái hiện cụ thể, sinh động mà chân thực quá trình hình thành hạt ngọc trong lòng những con trai nơi đáy đại dương vừa giúp người đọc hình dung quá trình ấy cũng giống như quá trình hoài thai, mang nặng đẻ đau của con người. | 1.0 |
| **10** | Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình về vấn đề: Không có một thành công nào dễ dàng đạt được  - Cách hiểu về thành công của HS  - Thành công được đúc kết qua những trải nghiệm và những lần thất bại, trả giá. Thành công đó sẽ là thành công có giá trị vì bản thân đã rút ra được nhiều bài học quý giá trong cuộc sống. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh có kết hợp các phương thức biểu đạt khác* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề thuyết minh*  Lối sống tích cực của giới trẻ | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề thành các ý chính*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được lối sống tích cực của giới trẻ và các nội dung để làm rõ lối sống đó (định nghĩa, cách thức thể hiện, điểm tích cực, hạn chế,…)  - *Sau đây là một hướng gợi ý: Greenlife - Lối sống xanh, Minimalism - lối sống tối giản, Lagom - Đủ là hạnh phúc, Hygge - Hạnh phúc từ những điều nhỏ bé, Ikigai - Lý do thức dậy vào mỗi sáng, Friluftsliv - Trở về với mẹ thiên nhiên, Wabi sabi - Vẻ đẹp từ sự không hoàn hảo* | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 11:**

**I. ĐỌC HIỂU *(6.0 điểm)***

**Đọc đoạn trích:**

*Năm mươi người con theo cha xuống biển*

*Năm mươi người con theo mẹ lên rừng*

*Những người con ngồi đúc trống đồng*

*Tiếng chim hót phổ vào giọng nói*

*Mẹ là tiếng đầu tiên trẻ gọi*

*Nghe dịu dàng âu yếm biết bao*

*Tiếng Việt ơi, tiếng Việt có từ đâu*

*Sau tiếng Mẹ là tiếng Yêu thánh thót*

*Tiếng Nước nghe như rơi từng giọt*

*Tiếng Đất nghe chắc nịch vững bền*

*Tiếng Cơm nghe ngạt ngào hương thơm*

*Người Giao Chỉ lắng nghe tiếng gió*

*Tiếng dòng sông rì rào sóng vỗ*

*Tiếng trời xanh lồng lộng mênh mang*

*Tiếng xôn xao của nắng thu vàng*

*Tiếng dế đêm trăng thanh vời vợi*

*Tiếng hổ gầm vang trong hốc núi*

*Tiếng mây bay vương vấn sắc trời*

*Tiếng sấm rền và tiếng mưa rơi*

*Tiếng nhịp đập trái tim thiếu nữ*

*Tiếng bập bùng nhen trong bếp lửa*

*Những thanh âm tha thiết bồi hồi*

*Bật ra thành tiếng Việt trên môi…*

*(Trích Tiếng Việt mến yêu, Nguyễn Phan Hách)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 2**. Theo tác giả, *Tiếng Đất nghe như… .* Trong dấu “…” là gì?

A. Chắc nịch

B. Thánh thót

C.Ngạt ngào

D. Âu yếm

**Câu 3**. Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ: *Tiếng Nước nghe như rơi từng giọt.*

A. Điệp từ.

B. Nhân hoá.

C. Ẩn dụ.

D. Hoán dụ.

**Câu 4**. Cảm xúc được gợi lên qua 2 câu thơ sau là gì?

*Mẹ là tiếng đầu tiên trẻ gọi*

*Nghe dịu dàng âu yếm biết bao*

A. Bối rối.

B. Bồi hồi.

C. Yêu thương.

D. Lo lắng.

**Câu 5**. Hai câu thơ đầu trong đoạn trích được gợi từ truyện dân gian nào?

A. Thánh Gióng.

B. Con Rồng cháu Tiên.

C. Bánh chưng bánh giầy.

D. Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ.

**Câu 6**. Nguồn gốc của tiếng Việt trong đoạn trích xuất phát từ đâu?

A. Tiếng mẹ đẻ.

B. Tiếng của thiên nhiên.

C. Âm thanh của muôn loài.

D. Tiếng những thanh âm tha thiết của cuộc sống.

**Câu 7**. Đoạn trích đề cập đến đề tài nào dưới đây?

A. Thiên nhiên.

B. Đất nước.

C. Con người.

D. Tiếng Việt.

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Hãy nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

*Người Giao Chỉ lắng nghe tiếng gió*

*Tiếng dòng sông rì rào sóng vỗ*

*Tiếng trời xanh lồng lộng mênh mang*

*Tiếng xôn xao của nắng thu vàng.*

**Câu 9**. Nhận xét về giọng điệu của đoạn trích.

**Câu 10**. Trách nhiệm của Anh/ Chị trong việc giữ gìn tiếng Việt.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của anh/ chị vê’ ý kiến: “Cuộc sống của ta là thiên đường hay địa ngục, phải chăng điều đó phụ thuộc phần lớn vào chính bản thân ta?”

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | Tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn thơ:   * Tạo nhịp điệu, gợi sự sinh động, tăng giá trị biểu cảm cho đoạn thơ. * Thể hiện sự đa dạng, phong phú của tiếng Việt.   *+ Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.*  *+ Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  *+ Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **9** | Nhận xét về giọng điệu của đoạn trích:  Giọng điệu: ngọt ngào, tha thiết – rất phù hợp cho việc thể hiện cảm xúc: sự trân trọng, yêu quý của tác giả dành cho tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **10** | Trách nhiệm của Anh/ Chị trong việc giữ gìn tiếng Việt:  Mỗi người phải tự hào, trân trọng; gìn giữ và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận***  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:***  Thái độ ứng xử của bản thân đối với cái mới trong đời sống  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: | 2,5 |
|  | - Giải thích vấn đề: ý nghĩa của hai từ thiên đường và địa ngục những từ thể hiện thực tê khác nhau của cuộc sống, hiểu được vai trò có tính chất quyết định của cá nhân đối với đời sống của chính mình.  - Phân tích, đánh giá vấn đề: mỗi cá nhân cẩn tự xây dựng cho mình một quan niệm sống đúng đắn: biết tạo ra sự cân bằng, hài hoà giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần; nỗ lực vượt lên hoàn cảnh, song cũng cần biết chấp nhận những giới hạn của thực tại; không bi quan, tuyệt vọng khi gặp gian khó, ngược lại biết hướng tới tương lai bằng niềm tin và sự phấn đấu không ngừng…  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Trình bày đầy đủ, nhưng còn đôi chỗ chưa sâu: 1,75 - 2,25 điểm.*  *- Trình bày còn thiếu ý, chưa sâu sắc : 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10** |

**ĐỀ SỐ 12:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*

*Đèn thông khêu cạn, giấc hoè (1) chưa nên.*

*Nỗi nàng canh cánh nào quên,*

*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!*

*Bướm kia vương lấy sầu hoa,*

*Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!*

*Có khi gảy khúc đàn tranh,*

*Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân (2)*

*Cầu hoàng (3) tay lựa nên vần,*

*Tương Như lòng ấy, Văn Quân (4) lòng nào!*

*Có khi chuốc chén rượu đào,*

*Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao (5) đã đầy.*

*Hơi men không nhấp mà say,*

*Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.*

*Có khi ngồi suốt năm canh,*

*Mõ quyên (6) điểm nguyệt, chuông kình (7) nện sương.*

*Lặng nghe những tiếng đoạn trường,*

*Lửa tình dễ đốt, sông Tương (8) khôn hàn.*

*Có đêm ngắm bóng trăn tàn,*

*Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn (9) bay khuya.*

*Ngổn ngang cảnh nọ tình kia,*

*Nỗi riêng, riêng biết, dã dề (10) với ai!*

*Vui xuân chung cảnh một trời,*

*Sầu xuân riêng nặng một người tương tư*

(Bích Câu kì ngộ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015)

**Chú thích**:

***(1) Giấc hoè***: ở đây chỉ giấc mơ (dựa theo điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say, nằm ngủ dưới gốc cây hoè, rồi mơ thấy mình ở nước Hoà An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển, khi tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hoè phía nam chỉ có một tổ kiến).

***(2) Hoài nhân***: nhớ người.

***(3) Cầu hoàng***: khúc đàn cầu hôn (tìm vợ) của Tư Mã Tương Như (bậc văn tài thời Hán, gảy đàn rất hay).

***(4) Văn Quân***: Trác Văn Quân là một cô gái đẹp goá chồng, nghe khúc Cầu hoàng của Tương Như, phải lòng đi theo.

***(5) Ngọc giao***: mời nhau rượu đựng trong chén ngọc để kết giao.

***(6) Mõ quyên***: mõ khắc hình chim đỗ quyên.

***(7) Chuông kình***: cái chuông có dài làm thành hình con cá kinh (cả voi).

***(8) Sông Tương***: chỉ nước mắt (Dựa theo điển tích vua Thuấn mất ở Thương Ngô, hai người vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh cùng thương khóc thảm thiết ở trên sông Tương Giang, vì vậy, người ta dùng sông Tương hay mạch Tương, sóng Tương để ví với nước mắt).

***(9) Trận nhàn***: hàng chim nhạn. Xưa, chim hồng, chim nhạn thường được dùng để nói về tin tức.

***(10) Dã dề***: chuyện trò niềm nở, thân tình

***Tóm tắt tác phẩm***: Chuyện kể về một thư sinh ở vào đời Lê Thánh Tôn' tên gọi Trần Tú Uyên. Cha mẹ mất sớm, chàng dựng nhà ở giữa hồ Bích Câu để chuyên tâm đèn sách. Trong một dịp tình cờ, khi đi hội ở chùa Ngọc Hồ, Tú Uyên gặp được một cô gái đẹp như tiên giáng trần, bèn đi theo thì nàng chợt biến mất không rõ tung tích, nên chàng mắc bệnh tương tư. Sau đó, Tú Uyên mua được một bức tranh vẽ hình mĩ nữ hệt như người chàng đã gặp, mang về treo trong nhà. Một thời gian sau, lúc nào từ trường về nhà, Tú Uyên cũng thấy cơm nước sẵn sàng. Chàng rình xem, thấy mĩ nhân trong tranh bước ra, vội chạy vào chào hỏi. Người con gái xưng là tiên nữ Giáng Kiều, nguyện cùng chàng kết nhân duyên. Hai người sống với nhau hạnh phúc được ba năm, song Tú Uyên dần trở nên nghiện rượu. Giáng Kiều khuyên chồng không được, bèn bỏ về tiên giới. Tú Uyên hối hận, sinh ra sầu não, đau ốm, định quyên sinh. Đúng lúc ấy, Giảng Kiều hiện ra, tha lỗi cho chồng, hai vợ chồng nối lại duyên xưa. Từ đó, Tú Uyên nghe lời vợ chuyên tâm tu đạo. Cuối cùng, có đôi chim hạc từ trên mây bay xuống đưa hai vợ chồng về cõi tiên.

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Thể thơ của truyện thơ trên là:**

A. Thất ngôn xen lục ngôn

B. Song thất lục bát

C. Lục bát

D. Thơ trường thiên bảy chữ

**Câu 2. Nhân vật chính được nói đến trong đoạn trích trên là:**

A. Nhân vật nữ: Giáng Kiều

B. Nhân vật nam: Tú Uyên

C. Nhân vật nữ và nhân vật nam: Giáng Kiều – Tú Uyên

D. Nhân vật người kể chuyện

**Câu 3. Cảm xúc của nhân vật Tú Uyên được thể hiện trong bốn câu thơ dưới đây là gì?**

*Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*

*Đèn thông khêu cạn, giấc hoè chưa nên.*

*Nỗi nàng canh cánh nào quên,*

*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!*

*Bướm kia vương lấy sầu hoa,*

*Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!*

A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức “ngẩn ngơ” trong lòng.

B. Tương tư, thương nhớ vì biết chắc sẽ không có ngày gặp lại

C. Tương tư, sầu muộn vì không gặp được người đẹp

D. Tương tư, sầu muộn, đau đớn đến nao lòng vì không được gặp lại người đẹp.

**Câu 4. Đoạn thơ từ “*Có khi gẩy khúc đàn tranh*” cho đến “*Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương” sử* dụng biện pháp tu từ gì?**

A. Biện pháp lặp cấu trúc

B. Biện pháp so sánh

C. Biện pháp nhân hóa

D. Biện pháp điệp từ

**Câu 5. Liệt kê những hành động, cử chỉ mà nhân vật Tú Uyên làm để giãi bày nỗi nhớ người đẹp.**

A. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, cất lời ca tiếng hát.

B. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm hoa thưởng nguyệt.

C. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.

D. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, ngâm thơ.

**Câu 6. Nội dung chính của đoạn truyện thơ trên là gì?**

A. Nỗi buồn của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

C. Nỗi sầu của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

D. Nỗi xót xa của nhân vật Tú Uyên khi biết không thể gặp lại người đẹp.

**Câu 7. Nhân vật Tú Uyên hiện lên qua đoạn trích là người như thế nào?**

A. Chàng trai yêu đương mùa quáng.

B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.

C. Chàng trai trân trọng cái đẹp và yêu thích cái đẹp.

D. Chàng trai biết yêu bản thân.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Có khi gảy khúc đàn tranh,*

*Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.*

*Cầu hoàng tay lựa nên vần,*

*Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!*

*Có khi chuốc chén rượu đào,*

*Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.*

*Hơi men không nhấp mà say,*

*Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.*

*Có khi ngồi suốt năm canh,*

*Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.*

*Lặng nghe những tiếng đoạn trường,*

*Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.*

*Có đêm ngắm bóng trăn tàn,*

*Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.*

**Câu 9.** Chỉ ra những đặc điểm của truyện thơ Nôm trong văn bản.

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) so sánh hai đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều:

- *Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*

*Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.*

*Nỗi nàng canh cánh nào quên,*

*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?*

(Bích Câu kì ngộ)

- *Chàng Kim từ lại thư song*

*Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.*

*Sầu đong càng lắc càng đầy,*

*Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.*

(Truyện Kiều)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Dựa vào nội dung của văn bản trên và những hiểu biết về truyện thơ Nôm, em hãy viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích, đánh giá về đoạn trích truyện thơ Nôm trên.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | C | 0.5 |
| **2** | B | 0.5 |
| **3** | A | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | B | 0.5 |
| **8** | Biện pháp lặp cấu trúc “Có khi”  Lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải “gảy nên khúc đàn tranh” mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn “Cầu hoàng” của Tương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của “chén rượu đào” để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là “mượn rượu để tỏ tình”. Tú Uyên mong được uống với nàng chén “ngọc giao” để kết duyên đôi lứa. | 0.5 |
| **9** | **Đặc điểm truyện thơ trong văn bản**  - **Về yếu tố tự sự:** đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.  - **Về yếu tố trữ tình**: truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, giúp chúng ta đi sâu vào thế giới của những suy tư, nỗi niềm tâm trạng tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên. Việc xuất hiện của thiên trong truyện thơ được gắn chặt với việc thể hiện tâm tình nhân vật. | 1.0 |
| **10** | Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình về vấn đề   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Tú Uyên** | **Kim Trọng** | | **Giống** | - Đều là nỗi tương tư, nhớ mong  - Đều thể hiện nỗi nhớ “canh cánh” trong lòng | | | **Khác** | - Ngẩn ngơ nhớ về người đẹp  - Không thể gặp lại khiến Tú Uyên ngày càng nhớ mong | - Nhớ đến sầu muộn  - Cảm thấy một ngày dài như “ba thu”, mong chờ để được gặp người yêu. | | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  Phân tích nội dung và nghệ thuật trong đoạn trích truyện thơ Nôm “Bích Câu kì ngộ” | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và các nét đặc sắc trong bài thơ  - *Sau đây là một hướng gợi ý:*  *1. Giới thiệu chung về tác phẩm và đoạn trích*  - Nội dung chính: Diễn tả tâm tư của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp ở hội chùa Ngọc Hồ  - Nhan đề Nỗi niềm tương tư: Nói về hành động, cử chỉ của Tú Uyên nhằm thể hiện nỗi tương tư, nhớ nhung Giáng Kiều một cách mòn mỏi, da diết.  *2. Phân tích đoạn trích*  *Về nội dung: Tâm trạng tương tư của Tú Uyên*  - Khi trở về nhà, chàng đem lòng thương nhớ, tương tư bất kể ngày lẫn đêm:  *Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*  *Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.*  *Nỗi nàng canh cánh nào quên,*  *Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!*  *Bướm kia vương lấy sầu hoa,*  *Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!*  Ta có thể thấy được nét si tình ở chàng Tú Uyên, chỉ vì một giây trông thấy, mà giường như chàng đã cả một đời nhớ thương. Chàng si mê nàng đến nỗi “ngơ ngẩn”, đến nỗi đèn thông cháy đã cạn mà chàng vẫn thao thức chưa ngủ được “giấc hòe chưa nên”. Chàng nghĩ về người con gái xinh đẹp đó phải chăng là tiên nữ, biết bao giờ mới được gặp lại.  - Nỗi nhớ người trong mộng không chỉ được thể hiện ở suy tư của chàng thư sinh mà còn được bộc lộ, thể hiện bằng cử chỉ:  *Có khi gảy khúc đàn tranh,*  *Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.*  *Cầu hoàng tay lựa nên vần,*  *Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!*  *Có khi chuốc chén rượu đào,*  *Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.*  *Hơi men không nhấp mà say,*  *Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.*  *Có khi ngồi suốt năm canh,*  *Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.*  *Lặng nghe những tiếng đoạn trường,*  *Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.*  *Có đêm ngắm bóng trăn tàn,*  *Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.*  + Từ “có” lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải “gảy nên khúc đàn tranh” mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn “Cầu hoàng” của Tương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của “chén rượu đào” để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là “mượn rượu để tỏ tình”. Tú Uyên mong được uống với nàng chén “ngọc giao” để kết duyên đôi lứa.  + Lúc này chàng say nhưng lại không phải say rượu, cơn say này được ví như “mùi nhớ” hay chính là say ân tình với nàng tiên nữ. Chàng còn phải “ngồi suốt năm canh” để nghe những “tiếng đoạn trường”, vì không biết bao giờ mới có thể gặp được người thương nên chàng nhớ mong, đau đớn như đứt từng khúc ruột.  + Đặc biệt, tác giả dựa vào tuyền thuyết hai người vợ Nga Hoàn và Nữ Anh cùng khóc thảm thiết trên sông Tương Giang khi Vua Thuần mất để dùng từ “sông Tương” ví với nước mắt, nước mắt ở đây là nước mắt của Tú Uyên khi để lạc mất người mình hằng mong nhớ, lạc mất đi cả cuộc đời. Chàng còn ngồi “ngắm bóng trăng tàn”, hy vọng về một chút tin tức của nàng.  - Nỗi nhớ đó dù đã được bộc lộ nhưng vẫn “ngổn ngang” không ngơi:  *Ngổn ngang cảnh nọ tình kia,*  *Nỗi riêng, riêng biết, dã đề với ai!*  *Vui xuân chung cảnh một trời,*  *Sầu xuân riêng nặng một người tương tư*  *Về nghệ thuật: Nghệ thuật đặc sắc của truyện thơ Nôm*  - Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong đoạn trích: điệp cấu trúc “Có khi…”.  - Sử dụng các điển tích, điển cố mang đậm tính chất truyện nôm bác học  - Việc sử dụng liên tiếp cấu trúc đó giúp đoạn trích bộc lộ rõ nét được tâm trạng tương tư, thầm thương, trộm nhớ của Tú Uyên, nỗi nhớ ấy không nguôi, ngày đêm mơ tưởng đến bóng dáng người thiếu nữ ấy. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ SỐ 13:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

*Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cụ cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đấy tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu hao mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng lo cho thân thế, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó.* *Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đày chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trổ bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay thì chơi hoa làm gì cho thêm tội*

*Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một chậu. Tiểu kiều, đại kiều, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử v. v… Chỉ trừ có giống lan Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc đắt giá mỗi giò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:*

*- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gẫy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy thì yểu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những vật quý ấy không ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.*

*Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen hoa và dò đẫy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mươi ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.*

*Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.*

*Chiều mai, mùng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.*

*Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sình sịch, bõ[[1]](#footnote-1) già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bõ già phải cẩn thận xem lửa kẻo lơ đễnh một chút là khê mất nồi kẹo. Hai ông ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:*

*- Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lại chậu Mặc lan thôi.*

*Hai ông ấm, ngồi phất được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xổm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông ấm cả, ông ấm hai lễ mễ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đụng mạnh vào dò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.*

*Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.*

*Bây giờ thêm được bõ già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quấn kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lồng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa. Úp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa. Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành. Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bõ già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa. Bõ già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng mầu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bõ già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngất nghểu hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bõ già xếp đặt trông thạo lắm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bõ già cũng phải ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bõ già hôm nay lẩm bẩm phàn nàn với ông ấm hai:*

*- Năm nay cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Vả lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp lắm cậu ạ.*

*Ông ấm hai vui chuyện, hỏi bõ già:*

*- Này bõ già, tôi tưởng uống rượu nhấm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.*

*- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tăm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đậy nút lại không có rượu bay!*

*Phía ngoài cổng, có tiếng chó sủa vang.*

*Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ duối. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị rồi thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.*

*Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây […] Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.*

(Trích *Hương Cuội*, Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*,

NXB Văn học 2012)

**Câu 1**. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật cụ Kép.

B. Lời của người bõ già.

C. Lời của người con cả.

D. Lời của người kể chuyện ngôi thứ ba số ít.

**Câu 2.** Câu chuyện trong đoạn trích trên lấy bối cảnh thời gian nào?

A. Những năm đầu thế kỷ XX.

B. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

D. Sau khi thống nhất đất nước 1975.

**Câu 3**. Nhân vật cụ Kép trong đoạn trích trên thuộc lớp người nào?

A. Trí thức Tây học.

B. Nhà nho cuối mùa.

C. Công chức thời thuộc Pháp.

D. Nông dân.

**Câu 4**. Tại sao vườn nhà cụ Kép lại thiếu loại lan Bạch Ngọc?

A. Vì đó là giống lan đắt.

B. Vì đó là giống lan hiếm.

C. Vì đó là giống lan khó chăm.

D. Vì đó là giống lan không đẹp.

**Câu 5**. Theo cụ Kép, việc ứng xử với hoa như thế nào mới xứng với đạo của người tài tử?

A. Mua thật nhiều hoa lan về để trồng và chăm sóc trong vườn.

B. Trồng hoa ở giữa vườn và để cho hoa mọc tự do.

C. Có thời giờ chăm sóc và đối đãi với hoa bằng đạo chí thành.

D. Trồng hoa ở bất cứ đâu trong khuôn viên nhà để hoa mọc tự nhiên.

**Câu 6**. Cụm từ nào sau đây nêu đúng nếp sống của cụ Kép?

A. Điều độ, đạm bạc.

B. Thanh cao, nho nhã.

C. Chăm chỉ, chịu khó.

D. Khắc khổ, nhẫn nhịn.

**Câu 7.** Dòng nào sau đây nêu đúng chủ đề chính của đoạn trích?

A. Đoạn trích ca ngợi thú chơi lan tao nhã như một vẻ đẹp xưa cũ còn vang bóng.

B. Đoạn tríc ca ngợi những con người dám từ bỏ công danh để sống tự do tự tại.

C. Đoạn trích thể hiện nỗi lo lắng của tác giả về sự mai một của những giống lan quý.

D. Đoạn trích thể hiện những dự cam lo âu về sự suy thoái của đạo đức xã hội.

**Trả lời câu hỏi / thực hiện yêu cầu**:

**Câu 8**. Qua nhân vật cụ Kép, tác giả thể hiện thái độ như thế nào đối với xã hội “Tây Tàu nhố nhăng” đương thời?

**Câu 9**. Theo bạn, có nên khuyến khích lối sống như cụ Kép trong xã hội ngày nay không? Vì sao?

**Câu 10**. Chi tiết nào trong đoạn trích để lại ấn tượng sâu sắc nhất với bạn? Vì sao?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài luận khoảng 400 - 500 chữ với nhan đề: **Đừng đánh mất bản sắc.**

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | D | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | B | 0.5 |
| **4** | C | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | A |  |
| **8** | Qua nhân vật cụ Kép, tác giả thể hiện thái độ bất hòa với xã hội “Tây Tàu nhố nhăng” đương thời; đồng thời ngợi ca những giá trị truyền thống của dân tộc. | 0.5 |
| **9** | - Nêu được quan điểm nên / không nên khuyến khích lối sống như cụ Kép (xa lánh những gì ồn ào của xã hội, gắn bó với thiên nhiên; biết thưởng thức những sinh thú thanh cao, đòi hỏi sự cầu kì, tinh tế).  - Lí giải lí do nêu quan điểm. | 1.0 |
| **10** | - Nêu cụ thể ấn tượng về một chi tiết trong đoạn trích.  - Trình bày lí khiến bản thân có ấn tượng như vậy. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Đừng đánh mất bản sắc.* | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau: | 2.5 |
| - Bản sắc là những nét riêng biệt, độc đáo của một cộng đồng; phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác. Bản sắc của một cộng đồng thể hiện qua từng cá nhân của cộng đồng ấy.  - Bản sắc tạo nên truyền thống, văn hóa cho một cộng đồng; tạo nên sức mạnh nối kết những người khác nhau trong cùng một cộng đồng.  - Nếu thiếu bản sắc, một cộng đồng có thể không tồn tại được trước những ảnh hưởng văn hóa từ những cộng đồng khác. Vì vậy, giữ gìn bản sắc là giữ gìn mối liên hệ của mỗi cá nhân trong cộng đồng; là duy trì và phát huy sức mạnh của cộng đồng.  - Tuy nhiên, giữ gìn bản sắc không có nghĩa là bảo thủ, giữ gìn cả những hủ tục. Giữ gìn bản sắc là phát huy những giá trị truyền thống, tiếp nhận những giá trị thuộc về nhân loại để những gì thuộc về bản sắc có thêm sức sống. |
| *d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |

----------------Hết----------------

1. Bõ: người ở giúp việc. [↑](#footnote-ref-1)